

Số: 203 /BC-UBND

Quảng Nam, ngày 30 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025

(Tài liệu trình Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 2)

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Nam báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025, với những nội dung chính sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

Nghị quyết số 177/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 đề ra mục tiêu: Phần đầu đến năm 2020, Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển bền vững. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển song song công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo, chú trọng phát triển nông nghiệp và nông thôn. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đột phá chiến lược, chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Huy động các nguồn lực tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với bảo vệ môi trường; nâng cao đời sống người dân. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện chất lượng giáo dục, đào tạo nghề; chú trọng đầu tư phát triển khoa học công nghệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Với sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, giám sát của HĐND tỉnh và công tác chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu quả của UBND tỉnh; cùng sự đóng góp tích cực của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong những năm qua đạt nhiều kết quả tích cực. Năng lực sản xuất có chuyển biến tích cực, kinh tế duy trì ở mức tăng trưởng khá, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, an sinh xã hội được đảm bảo, chính trị ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững.

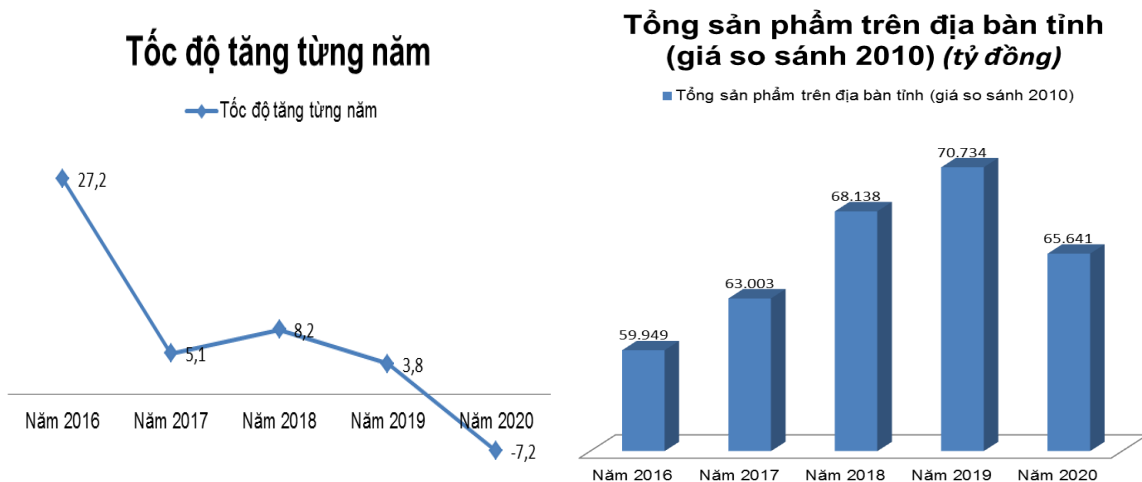
Qua 05 năm thực hiện các nhiệm vụ, kinh tế duy trì ở mức tăng khá, chính trị xã hội ổn định, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được tăng cường. Tình hình

kinh tế của tỉnh những năm cuối nhiệm kỳ tăng trưởng chậm lại do tác động của đại dịch Covid-19 và suy giảm kinh tế đã ảnh hưởng đến toàn diện đến các lĩnh vực, cung cầu hàng hóa và thị trường biến động mạnh, cùng với tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu nên hầu hết các ngành, lĩnh vực đều bị ảnh hưởng nặng nề, tăng trưởng kinh tế, một số ngành nghề, lĩnh vực sản xuất - kinh doanh bị đình trệ; nhiều doanh nghiệp buộc phải áp dụng các biện pháp cắt giảm chi phí, lao động, việc làm, thậm chí tạm dừng hoạt động, thu hẹp quy mô; đời sống của một bộ phận người lao động gặp nhiều khó khăn, kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kinh tế duy trì được mức tăng trưởng khá, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, quy mô nền kinh tế được nâng lên. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 6,85%/năm¹. Quy mô nền kinh tế ngày càng được mở rộng và dịch chuyển theo hướng tích cực, dự ước đến năm 2020 quy mô kinh tế tỉnh Quảng Nam đạt mức gần 100 nghìn tỷ đồng²; GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 63,3 triệu đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 45,2 triệu đồng. Cơ cấu lại kinh tế và đầu tư công theo hướng tập trung cho các nhiệm vụ đột phá, ưu tiên cho vùng kinh tế trọng điểm, vùng miền núi còn nhiều khó khăn. Mở rộng xã hội hóa, giảm dần tỷ trọng đầu tư của Nhà nước trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch dần sang khu vực dịch vụ, cơ cấu lao động chuyển dịch khá tích cực. Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GRDP giảm từ 14,7% năm 2015 còn 11,49%, các ngành phi nông nghiệp tăng từ 85,3% lên 88,51% vào năm 2019³.



Giá trị công nghiệp và xây dựng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân gần 8,54%, trong đó giá trị sản xuất công nghiệp (giá 2010) tăng bình quân khoảng hơn 7,91%. Một số ngành công nghiệp lớn của tỉnh như sản xuất và lắp

¹ Giai đoạn 2016 - 2019, GRDP tăng bình quân là 10,7%/năm (cao hơn so với Nghị quyết đề ra 10 - 10,5%); tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nên tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2020 bằng 92,8% so với năm 2019 (Theo số liệu của Cục Thống kê cung cấp ngày 26.11.2020)

² Năm 2019 đạt 99.283 tỷ đồng, năm 2020 đạt 95.095 tỷ đồng. Xếp vị thứ 2 sau Đà Nẵng trong 5 tỉnh kinh tế trọng điểm miền Trung; xếp vị thứ 4 trong 14 tỉnh Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung. Chiếm gần 2% quy mô kinh tế cả nước và gần 23% so với 5 tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

³ Mục tiêu cơ cấu kinh tế đến 2020 mục tiêu lĩnh vực nông lâm ngư chiếm dưới 10%. Năm 2020 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên cơ cấu ngành nông nghiệp trong GRDP khoảng 14,09%, các ngành phi nông nghiệp khoảng 85,91%.

ráp ô tô, sản xuất đồ uống, sản xuất trang phục (may mặc), sản xuất da và các sản phẩm liên quan (da giày) phát triển khá, tiếp tục đóng góp vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Ngành công nghiệp hỗ trợ được hình thành và phát triển với sự xuất hiện của các doanh nghiệp lớn tại Tổ hợp Khu công nghiệp cơ khí & ô tô Chu Lai - Trường Hải tại KCN Tam Hiệp, Khu công nghiệp Dệt may tại KCN Tam Thăng, đây là điểm sáng và tiềm năng lớn trong phát triển công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ của tỉnh. Nhiều sản phẩm công nghiệp đã khẳng định được chất lượng và thương hiệu trên toàn quốc như ô tô các loại, sản phẩm điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ.... Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng công nghiệp khai khoáng, ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Ngành khai khoáng chiếm tỷ trọng từ 1,63% (năm 2015) giảm xuống còn 1,1% (năm 2019), tương ứng ngành sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước chiếm tỷ trọng từ 4,86% giảm xuống 4,56%; ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý và xử lý rác thải chiếm tỷ trọng từ 0,32% giảm xuống còn 0,29%; ngành chế biến chế tạo từ 93,19% tăng lên 94,04%.

Dịch vụ phát triển khá với tốc độ tăng trưởng bình quân gần 6,77%⁴. Hoạt động thương mại dịch vụ ngày càng sôi động, hệ thống hạ tầng thương mại ngày càng phát triển, lưu thông hàng hóa được tổ chức xuyên suốt; nguồn cung hàng hóa dồi dào, cân đối cung cầu hàng hóa trên thị trường được giữ vững, giá cả ổn định, hợp lý. Tốc độ tăng bình quân về lượt khách du lịch của toàn tỉnh là 15,75%/năm, thu nhập xã hội từ du lịch tăng bình quân 20,67%/năm. Đến năm 2020, theo mục tiêu đặt ra Quảng Nam sẽ đón khoảng 8 triệu lượt khách, thu nhập xã hội từ du lịch đạt 15.500 tỷ đồng. Tuy nhiên, do tình hình Việt Nam và thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, đặc biệt là du lịch, nên lượng khách du lịch trong năm 2020 dự kiến khoản 1,46 triệu lượt khách; thu nhập xã hội từ du lịch cũng giảm mạnh, giảm hơn 50% so với mục tiêu đặt ra. Tính đến thời điểm này, toàn tỉnh có 732 cơ sở lưu trú du lịch với 13.944 phòng⁵; tốc độ tăng bình quân về cơ sở lưu trú ước đạt 24,1% và số phòng là 21,5%, vượt chỉ tiêu đề ra tại Nghị quyết số 08-NQ/TU (đến năm 2020: 600 cơ sở lưu trú với 12.000 phòng. Có 88 đơn vị hoạt động kinh doanh lữ hành)⁶, góp phần tạo thêm nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục phát triển ổn định, duy trì đạt mức tăng trưởng 3,27%, từng bước chuyển sang sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Trong cơ cấu nội bộ ngành giảm tương đối tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng giá trị sản xuất lâm nghiệp, thủy sản⁷. Giá trị sản xuất nội bộ ngành trong nông nghiệp, trồng trọt chiếm tỷ trọng 58,56%.

⁴ Giai đoạn 2016-2019 đạt mức tăng trưởng bình quân gần 11,5%.

⁵ Trong đó: 191 khách sạn với 10.817 phòng; 230 homestay với 1269 phòng; 215 biệt thự du lịch với 1858 phòng.

⁶ Trong đó: 60 công ty kinh doanh lữ hành quốc tế; 14 công ty kinh doanh lữ hành nội địa; 10 chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong nước; 03 đại lý lữ hành; 01 văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài.

⁷ Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm khoảng 58,56% (năm 2015: Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản tương ứng: 63,76%, 7,88%, 28,36%; năm 2020: 58,56%, 11,35%, 30,08%).

Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 05 năm giai đoạn 2016-2020 là 104.789 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 6,16%/năm thấp hơn 8,84 điểm % so với chỉ tiêu⁸, trong đó thu nội địa trên địa bàn tỉnh 05 năm 2016-2020 là 82.260 tỷ đồng, tốc độ tăng thu nội địa bình quân trong giai đoạn này là 10,16%/năm. Nguyên nhân giảm là do năm 2020 ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định và các yếu tố bất lợi khác nên thu nội địa trên địa bàn năm 2020 giảm mạnh (chỉ đạt khoảng 78,65% dự toán năm 2020) dẫn đến thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 không đạt chỉ tiêu tăng trưởng theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh. Tổng giá trị xuất khẩu 05 năm giai đoạn 2016-2020 là đạt 4,11 tỷ USD, tốc độ tăng xuất khẩu 11,08%, không đạt chỉ tiêu đề ra⁹, nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2020 bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; thực hiện hoàn thuế xuất nhập khẩu theo chương trình ưu đãi quy định tại Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 và thực hiện giảm thuế linh kiện nhập khẩu theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ.

2. Thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng có nhiều chuyển biến tích cực

a) Về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020 là 137.767 tỷ đồng, gấp gần 1,8 lần so với giai đoạn 2011 - 2015 và có tốc độ tăng bình quân hơn 9,5%/năm; Trong đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước (NSNN) chiếm 29,9%, nguồn vốn ngoài nhà nước gần 49,6%, nguồn vốn FDI chiếm hơn 20,5%. Trong đó, nguồn vốn đầu tư thuộc khu vực nhà nước chiếm gần 30% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; nguồn vốn này tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi và giảm nghèo. Đầu tư công đã chuyển từ kế hoạch hàng năm sang kế hoạch đầu tư công trung hạn ngày càng trở nên công khai, minh bạch và kiểm soát nợ công được tốt hơn.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội theo nguồn vốn (tỷ đồng)

Nguồn vốn	Giai đoạn 2011 - 2015		2016 - 2020	
	Tổng	Cơ cấu (%)	Tổng	Cơ cấu (%)
Tổng số	76.704	100,0	137.767	100,0
Ngân sách nhà nước	25.002	32,6	41.157	29,9
Vốn ngoài nhà nước	41.053	53,5	68.313	49,6
Vốn nước ngoài (FDI)	10.649	13,9	28.297	20,5

Nhiều công trình giao thông quan trọng, có tính chất liên vùng đã hoàn

⁸ Mục tiêu tốc độ tăng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt trên 15%.

⁹ Chỉ tiêu xuất khẩu tăng bình quân trên 16%/năm. Trong giai đoạn 2016-2019 xuất khẩu tăng bình quân đạt 16,63%/năm.

thành đưa vào sử dụng¹⁰, thúc đẩy lan toả phát triển từ thành thị đến nông thôn, kết nối giữa đồng bằng và miền núi, cũng như giữa các tỉnh, thành phố trong khu vực miền Trung. Hình thành mạng lưới giao thông thông suốt từ quốc lộ đến tỉnh lộ; từ trung tâm tỉnh lỵ đến tất cả các huyện, thành phố và trung tâm các xã.

Hạ tầng Khu Kinh tế mở Chu Lai và các Khu công nghiệp, khu kinh tế tiếp tục được quan tâm đầu tư. Khu Kinh tế mở Chu Lai được đầu tư hạ tầng, xây dựng và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Toàn tỉnh có 11 khu công nghiệp (KCN) với tổng diện tích quy hoạch hơn 6.135ha; có 07 khu đã đi vào hoạt động, diện tích đất sử dụng khoảng 1.026 ha. Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp khoảng 51,2%. Ngoài ra, theo quy hoạch toàn tỉnh có 92 cụm công nghiệp với diện tích hơn 2.280 ha; đã có 51 cụm công nghiệp được quy hoạch chi tiết với hơn 1.350 ha, trong đó có 49 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho gần 30.000 lao động.

Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua phát triển khá toàn diện, một số công trình trọng điểm của tỉnh hoàn thành đã có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo ra diện mạo mới cho Quảng Nam như: Cầu Cửa Đại; cầu Đế Võng và Đường ven biển; cầu Giao Thủy; đường ĐT610 đoạn nối Duy Xuyên với Nông Sơn; các tuyến đường: ĐT605, ĐT 607, ĐT 608, ĐT 609; đặc biệt tuyến đường ven biển từ Đà Nẵng qua Hội An đến sân bay Chu Lai và tiếp nối Dung Quất (Quảng Ngãi) đóng vai trò rất quan trọng trong định hướng phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp khu vực ven biển; Nút giao vòng xuyên 2 tầng giữa Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc Nam với đường trục chính từ Cảng Chu Lai đến Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi;... Đến năm 2020 có 99,6% xã đã có điện lưới, cải tạo và làm mới trên hàng trăm km đường dây trung, hạ thế.

Phát triển kết cấu hạ tầng tạo động lực xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh và đã thực sự phát huy tác dụng, bộ mặt nông thôn được đổi mới, góp phần hoàn thành một bước rất cơ bản tiêu chí về kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới. Nhiều công trình lớn, trọng điểm trên các lĩnh vực văn hoá, xã hội, y tế, trùng tu, tôn tạo các di sản, di tích được đầu tư xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng đã thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực. Tập trung vốn đầu tư công để đầu tư các dự án trường học đạt chuẩn Quốc gia, nâng tỷ lệ số trường đạt chuẩn đứng đầu khu vực với tỷ lệ 66,5%. Mạng lưới y tế được quan tâm cho tất cả các tuyến, các bệnh viện tuyến tỉnh được tập trung vốn đầu tư theo quy mô hiện đại, thiết bị y tế chuyên sâu¹¹; các trung tâm y tế cũng đã được nâng cấp, nhiều trạm y tế được xây mới và sửa chữa theo chủ trương xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Đặc biệt, việc đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp cũng đã được chú trọng. Xây dựng, nâng cấp một số hồ chứa nước có quy mô lớn; sửa chữa, xây dựng nhiều đập, đê kè, kênh mương, trạm bơm phục vụ sản

¹⁰ Đường nối từ Cửa Đại đến Sân bay Chu Lai, Tam Thanh đi Trà My, cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (đoạn qua Quảng Nam), đường Trường Sơn Đông; cầu Cẩm Kim, cầu Bình Đào, các tuyến ĐT, các tuyến đường nối từ đường ven biển đến Quốc lộ 1A và Cao tốc...

¹¹ Bệnh viện Phụ sản - Nhi, BV đa khoa khu vực, BV miền núi Phía Bắc, BV đa khoa Quảng Nam

xuất nông nghiệp¹². Hình thành các trung tâm nghề cá phục vụ các ngư trường như các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, tại nhiều khu vực ven biển.

Hạ tầng các đô thị từng bước được nâng cấp, mở rộng, tốc độ đô thị hóa cao; thành phố Tam Kỳ được công nhận là đô thị loại 2; thành phố Hội An hoàn thiện cơ bản các tiêu chí đô thị loại 2; xây dựng và phát triển Điện Bàn lên thị xã và các trung tâm huyện được khảo sát, đánh giá và phân loại đô thị.

b) Về phát triển nguồn nhân lực

Việc đổi mới, sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm, đúng lộ trình gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức và tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan, đơn vị¹³. Đã thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, thôn¹⁴.

Đào tạo, nâng cao trình độ và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm đủ phẩm chất, năng lực thực thi công vụ. Giai đoạn 2016-2019, đã đào tạo, bồi dưỡng 58.595 lượt CBCCVC. Trong đó: 2.858 CBCCVC được đào tạo lý luận chính trị, 839 CBCCVC được cử đi học chuyên môn đại học và sau đại học và 54.898 lượt CBCCVC tham gia các lớp bồi dưỡng. Ngoài ra, đã tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho 6.557 đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2021.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm thường xuyên. Trong 05 năm tạo việc làm mới tăng thêm cho 86.000 lao động, trung bình mỗi năm hơn 17.270 lao động, đạt chỉ tiêu bình quân Nghị quyết đề ra¹⁵; đưa 1.903 lao động đi làm việc theo hợp đồng tại nước ngoài. Cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực với tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp từ 47,4% năm 2016 giảm xuống còn 38% năm 2020; công nghiệp – xây dựng từ 24,6% tăng lên 29%, dịch vụ từ 27,9% lên 32,9% năm 2020. Lao động tuyển sinh học nghề giai đoạn 2016-2020 hơn 172 nghìn người (Cao đẳng 8.422 người, Trung cấp 11.564 người, Sơ cấp 49.615 người và dạy nghề dưới 3 tháng 102.748 người); tốt nghiệp trên 158 nghìn người (Cao đẳng 9.093 người; Trung cấp 8.099 người; Sơ cấp 45.137 người và dưới 3 tháng 96.272 người). Ngoài ra, đã đưa 56.129 lượt người đi bồi dưỡng, tập huấn chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, các chương trình khuyến công, khuyến nông truyền nghề tại các làng nghề, trong đó có 51.796 lượt người tốt nghiệp. Khoảng 70% số lượng học sinh, sinh viên Trung cấp, Cao đẳng ra trường có việc làm; 65,5% Sơ cấp và dưới 3 tháng có việc làm; những nghề có việc làm cao thuộc

¹² Xây mới Hồ Hổ Do, Lộc Đại; nâng cấp sửa chữa hồ Nước Rôn, Phước Hà; kè biển Cửa Đại, kè sông Bà Rén, Thu Bồn; Đập sông Vĩnh Điện; đê Bình Hải; khu neo đậu Hồng Triều; cảng cá Tam Quang.

¹³ Đã hoàn thành sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan giúp việc của Tỉnh ủy. Thực hiện hợp nhất trung tâm bồi dưỡng chính trị vào ban tuyên giáo ở tất cả địa phương; 12/18 huyện, thị, thành phố; đã giảm 22 đầu mối cấp phòng cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; giảm 55 cán bộ lãnh đạo cấp phòng thuộc các cơ quan hành chính cấp tỉnh và tinh giản 402 biên chế công chức.

¹⁴ Kết quả giảm còn 241 đơn vị cấp xã sau sắp xếp (giảm 03 đơn vị); giảm còn 1.240 đơn vị cấp thôn (giảm 479 đơn vị); giảm 776 người hoạt động không chuyên trách cấp xã và 3.797 người hoạt động không chuyên trách cấp thôn.

¹⁵ Chỉ tiêu Nghị quyết: Bình quân mỗi năm tạo việc làm mới tăng thêm cho 15.000 lao động

lĩnh vực may mặc, giày da, cơ khí, nhà hàng, khách sạn chiếm 90%. Hầu hết số lao động sau đào tạo vào làm việc tại doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân 5-6 triệu đồng/tháng. Công tác đào tạo nghề lao động nông thôn giai đoạn 2016-2020 với trên 13 nghìn người (nghề phi nông nghiệp gần 6 nghìn người, nghề nông nghiệp hơn 7 nghìn người); tỷ lệ lao động nông thôn sau học nghề có việc làm, có thêm việc làm đạt trên 80%.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh tăng từ 50,06% vào năm 2016 lên 65% năm 2020 (đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015 - 2020).

c) Về cải thiện môi trường đầu tư

Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn. Chủ động rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm phù hợp với thị trường và điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp. Xây dựng và triển khai các hoạt động hỗ trợ kết nối doanh nghiệp theo cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, kết nối với các doanh nghiệp lớn. Đa dạng hóa kênh thông tin phản ánh và tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ, đối thoại doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa phương. Công tác tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp trước và sau thành lập được duy trì thường xuyên. Chỉ đạo giải quyết các tồn tại, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng sạch cho các chủ đầu tư triển khai dự án đảm bảo tiến độ.

Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) 04 năm gần đây thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố có chỉ số tốt¹⁶. Kết quả thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp của tỉnh qua 05 năm tăng cao, số doanh nghiệp thành lập mới 6.450 doanh nghiệp, dự kiến đến cuối năm 2020 số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh lên hơn 8.207 doanh nghiệp, gấp 3,2 lần so với năm 2016, đạt chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn 2016-2020¹⁷.

Một số công trình, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Nhà máy chế biến gỗ MDF (500 tỷ đồng); Nhà máy thủy điện Đắk Mi 3 (1,3 nghìn tỷ đồng); Nhà máy nước giải khát (PepsiCo Việt Nam: 56 triệu USD); nhà máy bia Việt Nam BVL (72 triệu USD); Công ty TNHH MTV Panko Tam Thăng (70 triệu USD); nhà máy Bus Thaco (7 nghìn tỷ đồng); nhà máy sản xuất máy nông nghiệp (500 tỷ đồng); Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng Vinpearl (4,8 nghìn tỷ đồng); Khu du lịch Nam Hội An đi vào hoạt động một số hạng mục như: khu nghỉ dưỡng ven biển, khu vui chơi giải trí...

Tổng số dự án FDI trên địa bàn tỉnh còn hiệu lực là 196 dự án, với tổng vốn đầu tư hơn 5,93 tỷ USD. Cấp phép 230 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký gần 68 nghìn tỷ đồng. Các dự án tập trung phần lớn tại Khu KTM

¹⁶ Năm 2016 xếp thứ 10/63 tỉnh, thành; năm 2017 xếp thứ 07/63 tỉnh, thành; năm 2018 xếp thứ 07/63 tỉnh, thành; năm 2019 xếp thứ 06/63 tỉnh, thành.

¹⁷ Theo Chương số 11-CTr/TU ngày 24/8/2017, đặt mục tiêu đến năm 2020 số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt 8.000 doanh nghiệp

Chu Lai, các dự án du lịch ven biển và các cụm, khu công nghiệp tại các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Điện Bàn, Đại Lộc.

Cùng với việc hỗ trợ thành lập và phát triển doanh nghiệp, đã tiến hành rà soát các doanh nghiệp thu hồi hơn 3.534 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp ngừng hoạt động; lập thủ tục giải thể hơn 680 doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thu hồi 18 giấy phép doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không hoạt động theo cam kết. Tuy nhiên doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm hơn 90% nên gặp khó khăn trong huy động vốn, chậm đổi mới công nghệ, chi phí đầu tư cao so với các địa phương có điều kiện thuận lợi trong gia nhập thị trường, hạ tầng,... Vì vậy các doanh nghiệp thiếu khả năng cạnh tranh.

3. Thực hiện tái cơ cấu kinh tế đạt được những kết quả nhất định

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng ổn định và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, từng bước chuyển dịch theo hướng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Đã ban hành nhiều cơ chế tạo động lực để phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí ô tô, dệt may, da giày. Giá trị gia tăng ngành công nghiệp tăng bình quân hằng năm gần 10%. Các sản phẩm ngành công nghiệp khẳng định được chất lượng và thương hiệu như: ô tô các loại, sản phẩm điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ, dệt may, da giày... đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Khách du lịch lưu trú giai đoạn 2016-2019 tăng nhanh. Hoạt động bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ y tế, tài chính, bảo hiểm, ngân hàng phát triển mạnh.

Nông nghiệp phát triển ổn định, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất tạo bước phát triển theo hướng bền vững. Nội bộ ngành nông nghiệp cũng được chuyển dịch theo hướng cơ cấu lại và phát triển chăn nuôi, nuôi trồng; chuyển một số diện tích đất lúa sang trồng các loại cây trồng khác có giá trị cao hơn. Việc thực hiện chính sách tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn, cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp... đạt được kết quả bước đầu. Kinh tế tập thể có chuyển biến nhất định, phương thức hoạt động của một số hợp tác xã được đổi mới hiệu quả. Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) đạt kết quả khả quan. Cơ cấu kinh tế nội bộ ngành có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (NTM) được thực hiện đồng bộ và đạt nhiều kết quả. Diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét, chất lượng cuộc sống người dân được nâng lên, tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

4. Về kiểm soát nợ xây dựng cơ bản

Đã tập trung xử lý dứt điểm nợ khối lượng hơn 2.600 tỷ đồng trước 31/12/2015 được chuyển sang giai đoạn 2016-2020. UBND tỉnh đã tập trung đôn đốc các huyện, thành phố, thị xã và các chủ đầu tư cấp tỉnh tích cực đẩy mạnh tổ chức kiểm tra, rà soát xác định lại nợ xây dựng cơ bản để theo dõi và có kế hoạch bố trí vốn trả nợ khối lượng.

Số liệu nợ khối lượng xây dựng cơ bản tính đến hết quý III năm 2020 là 1.088,6 tỷ đồng, tăng 85,5 tỷ đồng so với quý II năm 2020; giảm 148,5 tỷ đồng so với quý III năm 2019 (nợ đọng xây dựng cơ bản đến hết quý III năm 2019 là 1.237,1 tỷ đồng). Trong đó cấp tỉnh nợ đọng xây dựng cơ bản 579,1 tỷ đồng; cấp huyện nợ 509,5 tỷ đồng.

Đối với nợ khối lượng xây dựng cơ bản các dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh, huyện, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các ngành, địa phương ưu tiên nguồn vốn để bố trí; các chủ đầu tư khẩn trương quyết toán hoàn thành dự án để thanh toán nợ.

5. Vùng động lực đồng bằng, ven biển và vùng trung du, miền núi được tập trung phát triển và đẩy mạnh đầu tư; từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng

Đối với vùng đồng bằng, ven biển: Thực hiện các dự án trọng điểm tại vùng Đông Nam của tỉnh. Đến nay, đã có 5/7 nhóm dự án đang triển khai thực hiện đạt kết quả tốt¹⁸, 2/7 nhóm dự án đang xúc tiến đầu tư và lập thủ tục chuẩn bị đầu tư¹⁹. Tăng trưởng kinh tế ở khu vực này luôn giữ được sự ổn định; nông nghiệp phát triển khá, năng suất nông nghiệp tăng cao gấp 1,5 lần so với mức bình quân chung cả tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp chiếm hơn 92% giá trị toàn tỉnh; Du lịch phát triển mạnh, mở rộng mạng lưới kết nối du lịch với phía Nam và phía Tây, đa dạng các loại hình du lịch, nhờ đó thu hút được lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Các thành phần kinh tế hoạt động trong vùng đã đóng góp trên 90% tổng thu ngân sách trên địa bàn, đây là nguồn lực quan trọng để bố trí các khoản chi đầu tư phát triển trên toàn tỉnh.

Khu kinh tế mở Chu Lai tiếp tục được tập trung đầu tư hạ tầng và thu hút nhiều dự án, đóng góp bình quân 65% tổng thu ngân sách tỉnh, nổi bật là Khu liên hợp cơ khí ô tô Chu Lai - Trường Hải. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 là khu kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực; là một trong những hạt nhân, trung tâm phát triển lớn của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Cảng hàng không Chu Lai đã được điều chỉnh quy hoạch và ngày càng phát huy hiệu quả; cảng biển Chu Lai quy hoạch là cảng biển loại I và tiếp tục được đầu tư, đảm bảo tiếp nhận các tàu vận tải quốc tế có trọng tải lớn.

Kinh tế biển phát triển khá mạnh, với nhiều dự án được đầu tư như: Vận tải biển, cảng biển, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản; phát triển cảng cá và dịch vụ hậu cần nghề cá; đẩy mạnh khai thác hải sản vùng khơi. Gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Các chính sách hỗ trợ phát triển ngư nghiệp, ngư dân của Chính phủ đang được tổ chức thực hiện tốt. Du lịch biển ngày càng phát huy hiệu quả với sự phát triển của nhiều dự án du lịch, nghỉ

¹⁸ Nhóm dự án khu đô thị, dịch vụ Nam Hội An; Nhóm dự án công nghiệp dệt may và hỗ trợ ngành dệt may gắn với phát triển đô thị Tam Kỳ; Nhóm dự án công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; Nhóm dự án nông nghiệp công nghệ cao; Nhóm dịch vụ hậu cần cảng và logistics gắn với cảng biển Chu Lai.

¹⁹ Nhóm dự án Khí - Điện và các ngành công nghiệp sử dụng năng lượng, sản phẩm sau khí; Nhóm dự án phát triển công nghiệp và dịch vụ gắn với sân bay Chu Lai.

duỡng ven biển; khai thác du lịch đảo Cù Lao Chàm từng bước được cải thiện về chất lượng và hiệu quả.

Đối với vùng trung du, miền núi: Tập trung thực hiện tốt công tác rà soát quy hoạch, bố trí sắp xếp dân cư miền núi gắn với xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/8/2016 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025, tạo sinh kế bền vững gắn với 05 nhiệm vụ chủ yếu, đó là: Sắp xếp ổn định dân cư; trồng rừng gỗ lớn; phát triển chăn nuôi tập trung; phát triển hạ tầng du lịch và phát triển hạ tầng gắn với vùng nguyên liệu. Kết quả đã hình thành nhiều khu dân cư khu vực núi cao đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, sản xuất, có đời sống ổn định các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Văn hoá, xã hội được tiếp tục quan tâm, tích cực triển khai và thực hiện có kết quả các giải pháp về đảm bảo an sinh xã hội

Giáo dục và đào tạo cơ bản đạt các mục tiêu đề ra. Mạng lưới trường, lớp đã được qui hoạch sắp xếp phù hợp với khung cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân. Đào tạo đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp có bước phát triển đáng kể, giữ được chất lượng và đa dạng hóa loại hình đào tạo. Một số trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần bồi dưỡng kiến thức và nâng cao dân trí cho nhân dân khu vực nông thôn.

Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được thực hiện khá tốt, Quảng Nam luôn dẫn đầu các tỉnh Duyên hải miền Trung về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Có 533/802 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 66,46%²⁰, dẫn đầu các tỉnh Duyên hải miền Trung về công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Đội ngũ giáo viên phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, tỷ lệ giáo viên đạt chất lượng ngày càng nâng cao ở các cấp học²¹. Chất lượng đào tạo các cấp học từng bước được nâng lên, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm đều cao; tỷ lệ học sinh trúng tuyển vào đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, trong đó, có nhiều học sinh đỗ thủ khoa, nhiều học sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT tuyển thẳng vào đại học và nhiều em thi vào đại học đạt trên 28 điểm. Chất lượng giáo dục - đào tạo có chuyển biến tích cực, nhất là chất lượng giáo dục mũi nhọn²².

Văn hóa, thông tin, thể thao tiếp tục phát triển. Đã tập trung tuyên truyền về các sự kiện chính trị xã hội quan trọng của đất nước, của tỉnh; đặc biệt là kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh (1997-2017) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất. Các thiết chế văn hoá như: Thư viện, bảo tàng, các cơ sở đào tạo, các cơ quan thông tin đại chúng, các đơn vị biểu diễn nghệ thuật,... từng bước được đầu

²⁰ Trường đạt chuẩn quốc gia 2020: Mầm non 165 trường, tỉ lệ 58,1%; tiểu học 189 trường, tỉ lệ 76,8%; THCS 157 trường, tỉ lệ 72,7%; THPT 22 trường tỉ lệ 40,7%.

²¹ Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn: 81,82%: Mầm non 5.945/6.131, tỉ lệ 97% (còn 189 GVMN ngoài công lập chưa đạt chuẩn); tiểu học: 6.326/6.748, tỉ lệ: 93,67%; THCS: 4.800/5.579, tỉ lệ: 86%; THPT: 240/2.700, tỉ lệ: 9%.

²² Trong 05 năm qua, học sinh Quảng Nam đạt nhiều giải học sinh giỏi quốc gia hằng năm (24 giải nhì, 47 giải ba, 76 giải khuyến khích ở các môn); cuộc thi Khoa học Kỹ thuật cấp quốc gia (02 giải nhất, 02 giải nhì, 08 giải ba, 05 giải khuyến khích); cuộc thi Olympic Toán SV-HS toàn quốc (01 HCV, 04 HCB, 06 HCD)...

tư, củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành thể dục thể thao đã từng bước được đầu tư, thông qua đó tạo điều kiện thuận lợi trong đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn.

Các phong trào thi đua, cuộc vận động do Trung ương phát động được triển khai thực hiện tích cực, có chất lượng; qua đó, đã xuất hiện những nhân tố mới, những điển hình trong xây dựng kinh tế, phát triển xã hội. Các thiết chế văn hoá được đầu tư gắn với xây dựng NTM. Hoạt động thể dục - thể thao được đẩy mạnh, huy động được các nguồn lực xã hội đóng góp xây dựng thiết chế thể thao.

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể đạt kết quả tốt, nhất là các di sản văn hóa thế giới, các giá trị văn hoá, nghệ thuật của đồng bào các dân tộc thiểu số, nghệ thuật Tuồng, Bài chòi... Các hoạt động hợp tác quốc tế về văn hóa, công tác khảo cổ và trùng tu, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới Hội An và Mỹ Sơn, khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm (Hội An) được thực hiện tốt.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày càng được cải thiện. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và nâng cấp; cơ sở vật chất được tăng cường, trang thiết bị ngày càng được đầu tư theo hướng chuyên sâu, hiện đại. Xã hội hóa y tế phát triển mạnh với nhiều cơ sở y tế tư nhân được hình thành và phát triển²³. Dịch bệnh nguy hiểm được khống chế và đẩy lùi; việc cung ứng thuốc và trang thiết bị y tế đã có nhiều cố gắng. Bảo hiểm y tế bước đầu phát huy tác dụng. Nhân dân ở hầu hết các vùng, miền trong tỉnh đã được chăm sóc sức khỏe tốt hơn. Chú trọng thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em dưới 6 tuổi và các trường hợp chính sách xã hội khác. Năm 2020, số giường bệnh trên vạn dân hơn 41,5 giường, tăng 15,5 giường so với năm 2015; đạt 9 bác sỹ/vạn dân.

Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo cho các gia đình chính sách. Công tác giảm nghèo và nhà ở được tập trung chỉ đạo và thực hiện quyết liệt. Hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho người có công với hơn 27.415 hộ (trong đó: 8.312 hộ xây mới và 19.103 hộ sửa chữa). Kinh phí thực hiện 825 tỷ đồng (ngân sách Trung ương 742 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 83 tỷ đồng), đồng thời huy động các nguồn lực tiếp tục hỗ trợ đối với người có công với Cách mạng về nhà ở để giải quyết hỗ trợ cho 12.734 trường hợp tăng thêm, với tổng nguồn kinh phí cần hỗ trợ dự kiến khoảng 335 tỷ đồng. Công tác tìm kiếm, quy tập mộ liệt sỹ được quan tâm thực hiện; các chương trình về xây dựng, cải tạo nghĩa trang, tượng đài, nhà bia anh hùng liệt sỹ được đầu tư, nâng cấp. Thực hiện kịp thời việc phong tặng, truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và nhận phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng còn sống²⁴.

²³ Có 5 bệnh viện đa khoa tư nhân được hình thành: Bệnh viện Thái Bình Dương Hội An, Tam Kỳ; Bệnh viện đa khoa Vĩnh Đức, bệnh viện đa khoa Minh Thiện, bệnh viện đa khoa Thăng Hoa huyện Thăng Bình

²⁴ Đến nay, toàn tỉnh có 15.261 Bà mẹ VNAH, hiện còn sống 617 Mẹ đều đã được các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng.

Công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả quan trọng. Nổi bật nhất 5 năm qua là nhiều chương trình, đề án, chính sách giảm nghèo của Trung ương, của tỉnh về tái định cư, đất ở, nhà ở, đất sản xuất; thực hiện các chương trình, đề án phát triển kinh tế xã hội, phát triển hạ tầng nông thôn, miền núi; hỗ trợ khám chữa bệnh, học tập, học nghề, giải quyết việc làm, vay vốn được thực hiện kịp thời, giải quyết cơ bản những vấn đề bức xúc của hộ nghèo và cận nghèo. Nguồn lực huy động cho công tác giảm nghèo hơn 6.830 tỷ đồng. Dự kiến đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm còn 6,06% (25.650 hộ nghèo), giảm 6,83% so với năm 2015, bình quân giảm 1,51%/năm, đạt và vượt mục tiêu theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (tỷ lệ hộ nghèo cả nước giảm bình quân 1-1,5%/năm), trong đó: Khu vực đồng bằng còn 8.201 hộ nghèo, tỷ lệ 2,42%, giảm 3,73% so với năm 2015, bình quân giảm 0,93%/năm; Khu vực miền núi còn 17.449 hộ nghèo, tỷ lệ 20,85%, giảm 20,0% so với năm 2015, bình quân giảm 5,0%/năm.

7. Phát triển kinh tế xã hội nông thôn, miền núi được quan tâm; xây dựng nông thôn mới đạt chỉ tiêu đề ra

Thực hiện tốt các chính sách về ưu đãi vốn vay phục vụ cho phát triển sản xuất, dồn điền đổi thửa, cơ giới hóa từ khâu sản xuất đến thu hoạch sản phẩm nông nghiệp; hỗ trợ ngư dân đóng mới, cải hoán tàu thuyền khai thác, đánh bắt xa bờ.

Nhiều chương trình, đề án phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn, miền núi được ban hành. Các mô hình phát triển sản xuất khu vực nông thôn, miền núi tiếp tục phát huy. Giao đất, phát triển rừng, diện tích trồng dược liệu, keo phát triển nhanh. Chương trình tín dụng ưu đãi cho lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn hàng năm hơn 30% tổng mức huy động cho vay nền kinh tế trên địa bàn.

Kết cấu hạ tầng nông thôn từ các chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội các xã biên giới; điện, nước sinh hoạt, du lịch miền núi, kiên cố hóa trường học, các công trình giao thông, thủy lợi, trạm y tế, chợ nông thôn, phát triển cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống,... được chú ý đầu tư bằng nhiều nguồn vốn, đã góp phần quan trọng cho việc đổi mới bộ mặt nông thôn.

Ngoài thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương, ngân sách tỉnh ưu tiên cân đối, cùng với nguồn vay tín dụng hàng năm bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu theo các Nghị quyết của HĐND tỉnh về phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn, miền núi; cùng với ngân sách cấp huyện và đóng góp của nhân dân, đã hoàn thành kiên cố hóa hơn 571 km đường giao thông nông thôn và hơn 320 km đường ĐH; 100% xã trên địa bàn tỉnh đã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã huy động nhiều nguồn lực, từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng hàng năm cho vay phát triển nông nghiệp và nông thôn; đồng thời huy động đóng góp từ các doanh nghiệp và nhân dân. Tiêu chí thực hiện Chương trình nông thôn mới ở các xã

được tăng lên đáng kể so với năm 2015²⁵. Dự kiến đến cuối năm 2020 tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 116 xã²⁶, đạt tỷ lệ 58% tổng số xã. Bình quân chung số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn toàn tỉnh²⁷ là 15,67 tiêu chí/xã. Không còn xã dưới 8 tiêu chí; huyện Duy Xuyên đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thành phố Hội An hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có thêm 11 xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, nâng tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nâng cao lên 12 xã, trong đó, có 02 xã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 133 thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

8. Tài nguyên, môi trường, chủ động với ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng

Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất thời kỳ 2015-2020; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020). Quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất 114 dự án, công trình trên địa bàn tỉnh. Rà soát quy trình, thủ tục đất đai, các hồ sơ có liên quan đến dự án nhà ở và dự án kinh doanh bất động sản trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất; đẩy nhanh tiến độ đo đạc, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân các xã Vùng Đông. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước được chú trọng, xử lý nghiêm việc khai thác lâm sản, khoáng sản trái phép.

Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường được thực hiện rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các tổ chức trong hệ thống chính trị đã tạo sự chuyển biến tích cực của các cấp, các ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường. Công tác quan trắc môi trường được tiến hành thường xuyên. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường được tăng cường. Đã tập trung triển khai thực hiện tốt các dự án về bảo vệ môi trường như: Thu gom, xử lý rác thải nông thôn; xử lý nước thải, rác thải ở các đô thị, các khu, cụm công nghiệp; xử lý chất thải y tế... Nhiều mô hình về bảo vệ môi trường được nhân rộng trong nhân dân ở các địa phương như: Không sử dụng túi ni lông, phân loại rác thải từ nguồn, quản lý rác thải độc hại trong sản xuất nông nghiệp, phục hồi rừng ngập mặn... Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở các khu, cụm công nghiệp, các địa điểm vui chơi, du lịch. Giai đoạn 2015-2020 đã đầu tư xây dựng hoàn thành 05 nhà máy xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp: Tam Hiệp, Tam Thăng, Đông Quế Sơn, Thuận Yên và KCN cơ khí ô tô Chu Lai Trường Hải; nâng số lượng các KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải lên 06/07 KCN.

²⁵ Bình quân chung số tiêu chí NTM đạt chuẩn của toàn tỉnh (200 xã) là 15,26 tiêu chí/xã (tăng 3,76 tiêu chí/xã so với năm 2015); năm 2020 phấn đấu đạt 16-16,5 tiêu chí/xã.

²⁶ Không tính 03 xã: Hương An, Quế Cường và Quế Bình.

²⁷ Năm 2020, toàn tỉnh còn 200 xã triển khai thực hiện Chương trình NTM, do các địa phương trên địa bàn tỉnh đã thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Nam theo Nghị quyết số 863/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, các lực lượng vũ trang; phát huy vai trò của cộng đồng trong việc thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phòng, chống ngập úng đô thị. Kịp thời di dời đồng bào ra khỏi khu vực bị sạt lở.

9. Bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn, cải cách hành chính đạt một số kết quả quan trọng. Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí được tăng cường

Bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được củng cố, kiện toàn, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao. Triển khai có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, các Nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân tỉnh. Trật tự, kỷ cương, kỷ luật hành chính trong quản lý, điều hành có sự chuyển biến tích cực. Các quyết định, chỉ đạo của UBND cấp trên được UBND cấp dưới và cơ quan chuyên môn trực thuộc chấp hành và tổ chức thực hiện tốt.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo ở các cấp được thực hiện đúng quy trình, thủ tục của pháp luật, giải quyết những vấn đề bức xúc, vướng mắc, đáp ứng được những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Cải cách hành chính được tập trung chỉ đạo quyết liệt, cơ chế một cửa tại các cơ quan, đơn vị có nhiều tiến bộ; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo điều hành, giải quyết công việc ở các cơ quan, đơn vị ngày càng tích cực, đạt kết quả; công tác rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính được chú trọng, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và nhân dân.

Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ, việc liên quan đến tham nhũng được tiến hành thường xuyên nhằm ngăn chặn các hành vi tham nhũng và kịp thời xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng theo đúng quy định của pháp luật. Các vụ việc, vụ án tham nhũng xảy ra không nhiều và đa số thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trách nhiệm của người đứng đầu ở cơ quan, đơn vị được nâng cao, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong phạm vi ngành, địa phương phụ trách.

10. Đảm bảo tốt quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, đối ngoại được tăng cường

Kết quả đạt được trong các năm qua trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh là rất cơ bản, quan trọng, tạo cơ sở vững chắc để phát triển kinh tế, xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân được tập trung chỉ đạo thường xuyên và phát huy hiệu quả; việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức luôn được coi trọng, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng đối phó các tình huống về quốc phòng - an ninh.

Xây dựng khu vực phòng thủ đảm bảo liên hoàn, vững chắc có chiều sâu từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Kết cấu hạ tầng quốc phòng và an ninh ở các địa bàn trọng điểm, chiến lược được từng bước đầu tư. Trang bị vũ khí và bảo đảm kỹ thuật có bước cải thiện. Phòng chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức, tội phạm nguy hiểm đạt được những thắng lợi rõ rệt, công tác an toàn giao thông đạt kết quả tốt.

Các lực lượng Quân sự, Công an, Biên phòng đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; xây dựng các phương án phòng thủ, bảo vệ, chống gây rối, bạo loạn, giải quyết tốt những vấn đề phức tạp xảy ra tại địa phương, góp phần giữ vững tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Công tác tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng-an ninh cho các đối tượng theo quy định được triển khai thực hiện tốt. Công tác chỉ đạo, tổ chức xây dựng, huấn luyện và bảo đảm hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên, công tác tuyển quân, giao quân và động viên được thực hiện theo đúng quy định; hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân hàng năm, đảm bảo được số lượng và chất lượng; đặc biệt đã đạt và vượt tỉ lệ đảng viên trong thanh niên nhập ngũ theo chỉ tiêu được giao.

Công tác đối ngoại từng bước đi vào chiều sâu và phát huy hiệu quả. Các cơ quan chức năng đã thực hiện tốt công tác quản lý đoàn ra, đoàn vào; công tác lãnh sự, thông tin đối ngoại; công tác vận động, quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài; công tác biên giới và công tác hợp tác quốc tế. Duy trì, phát triển toàn diện mối quan hệ hữu nghị truyền thống đặc biệt giữa tỉnh Quảng Nam với tỉnh Sê Koong kết nghĩa. Tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, quảng bá văn hóa Quảng Nam với nước ngoài như: các nước khu vực Asean, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước khu vực châu Âu; gặp gỡ ngoại giao đoàn. Chủ động củng cố và đẩy mạnh hợp tác với địa phương thuộc các nước trong khu vực và quốc tế.

Tóm lại, so với 26 chỉ tiêu chủ yếu trên các lĩnh vực theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh đề ra về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, có 19 chỉ tiêu đạt và vượt, 07 chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch đề ra gồm: **tốc độ tăng trưởng kinh tế, GRDP bình quân đầu người, thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kim ngạch xuất khẩu, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch, tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn môi trường**; đồng thời 01 chỉ tiêu tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đã không còn trong hệ thống chỉ tiêu thống kê theo các văn bản pháp luật hiện hành nên tổng hợp số liệu.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020	Dự kiến 2016-2020	So với mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020
I	CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP (giá so sánh)	%	10-10,5	6,85	Không đạt
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Đến 2020 đạt 75-80 triệu đồng	63,3	Không đạt
3	Thu nhập bình quân/người/năm	Triệu đồng	>45	45,2	Đạt
4	Cơ cấu GRDP				Không đạt
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	<10	14,09	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	46,0	34,21	
	- Dịch vụ	%	44,0	33,87	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%		17,83	
5	Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân/năm	%	>16%/năm	11,08	Không đạt
6	Tốc độ tăng ngân sách	%	>15	9,77	Không đạt
7	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng		137.767	
	Tỷ trọng đầu tư so với tổng sản phẩm trên địa bàn	%	>30	30,41	Đạt
II	CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI				
8	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	Mục tiêu NQ 2-2,5% (Điều chỉnh chỉ tiêu 1-1,5% tại Báo cáo số 372-BC/TU ngày 16/4/2019 Tỉnh ủy	1,51	Đạt

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020	Dự kiến 2016-2020	So với mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020
9	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	<10	<10	Đạt
10	<i>Tỷ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi</i>				Đạt
	- Tiểu học	%	100	99,00	(Xấp xỉ đạt)
	- Trung học cơ sở	%	95	97,26	
	- Trung học phổ thông	%	75	95,88	
11	Tỷ lệ lao động nông nghiệp	%	<40	<40	Đạt
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	65,00	Đạt
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	55	Theo Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã không có chỉ tiêu này nên không có số liệu tổng hợp	
14	Tỷ lệ lao động nông nghiệp	%	<40	<40	Đạt
15	Giải quyết việc làm mới tăng thêm	Người	75.000	86.357	Đạt
16	Số bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ/vạn dân	9	9,00	Đạt
17	Số giường bệnh/vạn dân không tính giường trạm y tế xã)	Giường bệnh/vạn dân	31,5	41,50	Đạt
18	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>32	32,40	Đạt
III	CÁC CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020	Dự kiến 2016-2020	So với mục tiêu kế hoạch 5 năm 2016-2020
19	Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95	95,00	Đạt
20	Tỷ lệ hộ dân đô thị được sử dụng nước sạch	%	100	80,00	Không đạt
21	Tỷ lệ che phủ rừng	%	52	60,20	Đạt
22	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	90	90,00	Đạt
23	- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	95	95,00	Đạt
24	Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn môi trường	%	100	85,71	Không đạt
25	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	>50	59,00	Vượt
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã		118,00	
26	Số xã đạt dưới 8 tiêu chí nông thôn mới	Xã	Không có	Không có	Đạt

Tuy còn một số chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt Nghị quyết đề ra, nhưng xét về mục tiêu, Quảng Nam đã đạt được những kết quả rất quan trọng, tạo tiền đề cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tiếp theo, đó là: tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước; một số các công trình dự án trọng điểm trên các lĩnh vực về giao thông, thủy lợi, y tế, văn hoá, giáo dục, điện, viễn thông, cùng với một số các nhà máy quy mô lớn được hình thành và đưa vào sử dụng, thúc đẩy tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giá trị xuất khẩu tăng. Quy mô nền kinh tế tỉnh Quảng Nam năm 2019 xấp xỉ đạt 100 nghìn tỷ đồng, thuộc nhóm dẫn đầu khu vực kinh tế trọng điểm miền Trung, trong đó giá trị tuyệt đối 1% tăng trưởng tương ứng gần 700 tỷ đồng (theo giá so sánh). Đồng thời, trong giai đoạn 2016-2019 khi chưa có ảnh hưởng tác động của dịch bệnh, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân là 10,7% mức cao so với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung (9%); qua đánh giá trong giai đoạn 2016-2019, khi chưa chịu tác động của dịch bệnh, kết quả thu nội địa trên địa bàn tỉnh tăng khá, đạt quy mô 67.178

tỷ đồng²⁸, với mức tăng thu bình quân đạt là 18,43%, khẳng định nền kinh tế của tỉnh đã có bước phát triển vượt bậc. Công tác an sinh xã hội thực hiện tốt; môi trường sinh thái, môi trường sống được chú trọng, từng bước khắc phục được những khu vực ô nhiễm, ý thức cộng đồng được nâng cao... Đây là những kết quả quan trọng đạt được trong 5 năm qua và cũng là tiền đề phát triển cho giai đoạn tiếp theo.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 6,85% thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu đề ra (10-10,5%). Qui mô nền kinh tế có tăng nhưng chiếm tỷ trọng nhỏ, GRDP bình quân đầu người còn thấp so với cả nước²⁹.

Phát triển kinh tế xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, thiếu tính bền vững. Tăng trưởng kinh tế vẫn chủ yếu theo chiều rộng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh còn thấp. Chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh chưa đảm bảo tính bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thực sự đáp ứng kỳ vọng đề ra.

Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Vì vậy, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao.

Lĩnh vực công nghiệp và xây dựng giai đoạn 2016-2020, chưa có dự án trọng điểm chiến lược xuất hiện, ngành công nghiệp ô tô có sự cạnh tranh quyết liệt giữa các hãng ô tô với nhau, giữa ô tô nhập khẩu và dòng xe sản xuất, lắp ráp trong nước, khó tăng trưởng như giai đoạn trước; hoạt động của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh không ổn định, năng lực sản xuất phụ thuộc vào điều kiện thời tiết; sản lượng các nhà máy bia, rượu, nước giải khát, sản lượng không hoạt động hết công suất; giá trị gia tăng ở một số ngành, sản phẩm chủ lực của tỉnh thấp như may mặc, giày da.

Trong nông nghiệp, năng suất cây trồng, vật nuôi và chất lượng sản phẩm nông nghiệp còn thấp và phụ thuộc nhiều vào thời tiết, khí hậu. Chuyển dịch nội bộ cơ cấu sản xuất nông nghiệp và nông thôn còn chậm, ngành chăn nuôi phát triển chậm.

Vốn đầu tư chủ yếu là từ ngân sách nhà nước; huy động vốn ngoài nhà nước gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Nhiều công trình trọng điểm thiếu vốn. Việc thực hiện các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng ở các ngành, các địa phương và các chủ đầu tư chưa nghiêm túc đã dẫn đến tình trạng nợ khối lượng vẫn còn, chưa xử lý kịp thời.

Hạ tầng kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn ảnh hưởng lớn đến cải thiện môi trường đầu tư. Bên cạnh đó, cải cách hành chính chưa đồng bộ. Sự phối hợp của các ngành và địa phương trong công tác xúc tiến đầu tư thiếu chặt chẽ.

²⁸ Giai đoạn 2016-2020, kết quả thu nội 82.848 tỷ đồng, tăng thu bình quân hàng năm là 10,16%.

Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh đề ra thu ngân sách tăng bình quân trên 15%.

²⁹ Thu nhập bình quân đầu người hơn 45,2 triệu đồng, cả nước 49,4 triệu đồng.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Năng suất lao động thấp, tỷ lệ lao động chuyên môn kỹ thuật, đặc biệt lao động có trình độ kỹ thuật cao còn thấp. Cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý. Sự chuyển dịch lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ cao³⁰.

Quy hoạch, khai thác và sử dụng chưa hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khai thác trái phép lâm sản, khoáng sản vẫn còn xảy ra ở một số địa phương. Ô nhiễm môi trường tại một số cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp, làng nghề, một số khu dân cư, lưu vực sông vẫn còn xảy ra. Chưa có sự hài hoà giữa mục tiêu tăng trưởng và bảo vệ môi trường. Thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, gây thiệt hại về kinh tế, hạ tầng và dân sinh.

IV. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân kết quả đạt được

Có sự quan tâm giúp đỡ của Chính phủ, của các Bộ ngành Trung ương, sự ủng hộ của Mặt trận, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

Các cấp chính quyền, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã phát huy nội lực, vượt qua khó khăn.

Hạ tầng phát triển khá trên các lĩnh vực, đặc biệt là giao thông, tạo thuận lợi để thúc đẩy phát triển các ngành.

Sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm của UBND các cấp; ban hành cơ chế, chính sách đúng đắn, chỉ đạo, đôn đốc quyết liệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ mà Nghị quyết của HĐND tỉnh đề ra.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

Tình hình dịch bệnh covid - 19 ảnh hưởng nặng nề, tác động trực tiếp đến các lĩnh vực, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế giai đoạn 2016-2029 đều đạt và vượt với mức bình quân chung; tuy nhiên, năm 2020 hầu hết các chỉ tiêu giảm sâu, doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, giãn tiến độ, quy mô, thậm chí ngừng hoạt động, nên một số chỉ tiêu về kinh tế bình quân cả giai đoạn 5 năm 2016-2020 thấp hơn chỉ tiêu theo Nghị Quyết đề ra.

Thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt năm 2020 ảnh hưởng của thiên tai bão lũ gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu, cần phải huy động các nguồn lực lớn và mất nhiều thời gian để khắc phục hậu quả.

Cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn khi tham gia sâu vào quá trình hội nhập nên giá cả và mức tiêu thụ các sản phẩm chủ lực trong tỉnh gặp khó khăn, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất và thu ngân sách.

³⁰ Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp 38,01%

Địa bàn rộng, địa hình phức tạp, 06 huyện miền núi cao còn khó khăn, hạ tầng chưa thật sự đồng bộ; giá cả một số mặt hàng nông sản không ổn định.

Quảng Nam xuất phát từ tỉnh thuần nông, quy mô sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn nhỏ lẻ, manh mún. Chủ trương tích tụ và tập trung ruộng đất được đặt ra từ nhiều năm nay nhưng kết quả thực hiện chưa đạt được mục tiêu kỳ vọng.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác dự báo chưa lường hết những biến động lớn, tiềm ẩn sự mất ổn định trong và ngoài nước cũng như những khó khăn, bất trắc do tác động chung trong tình hình mới, nên dự báo một số chỉ tiêu chưa sát với thực tế.

Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chưa nhiều, chưa thu hút được những dự án đầu tư lớn. Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường thiếu chặt chẽ dẫn đến một số nơi bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đặt ra mục tiêu lớn nhưng chưa có những giải pháp và định hướng cụ thể, dẫn tới hiện tượng đào tạo nhưng chưa sử dụng hợp lý so với yêu cầu phát triển tỉnh. Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa công tác đào tạo với giải quyết việc làm.

Nguồn ngân sách của tỉnh còn thiếu so với nhu cầu đầu tư, việc huy động các nguồn lực khác còn khó khăn. Tổ chức thực hiện các quy định về công tác quản lý đầu tư và xây dựng chưa chặt chẽ ở một số ngành, địa phương, các chủ đầu tư, dẫn đến hiệu quả đầu tư chưa cao, nợ khối lượng còn lớn so với khả năng cân đối.

Công tác chỉ đạo, điều hành của một số ngành, địa phương còn chậm, chưa cụ thể, thiếu kiểm tra, đôn đốc; thiếu sự phối hợp.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. BỐI CẢNH CHUNG

Trước sự ảnh hưởng khốc liệt của dịch bệnh Covid-19, dự báo kinh tế thế giới chỉ được hồi phục trong 2-3 năm tới, môi trường quốc tế thuận lợi nhưng tiềm ẩn rủi ro, tình hình thế giới sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xu hướng liên kết kinh tế và kết nối giữa các nền kinh tế tiếp tục được đẩy mạnh. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số sẽ tác động sâu rộng đến từng quốc gia. Khu vực Châu Á- Thái Bình Dương xuất hiện xu hướng chuyển dịch dự án của các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản từ Trung Quốc sang các nước ASEAN. Tuy nhiên, bên cạnh những dấu hiệu tích cực của nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất ổn, xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh giành tài nguyên, lãnh thổ, nạn khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng cùng với những vấn đề toàn cầu khác như đói nghèo, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, chất lượng dân số còn thấp và xu hướng già hóa dân số là những thách thức rất lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta trong thời gian đến. Trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp và khó lường, việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của cả nước và của tỉnh dự báo sẽ có những cơ hội đồng thời cũng gặp nhiều thách thức.

Cơ hội của tỉnh gắn liền với cơ hội của cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có tiềm năng phát triển du lịch, dịch vụ hàng hải, kinh tế biển, phát triển công nghiệp, phát triển khu kinh tế, trong đó Khu Kinh tế mở Chu Lai được xác định là một trong các khu kinh tế được tập trung đầu tư từ ngân sách nhà nước về phát triển hạ tầng giai đoạn đến năm 2025 làm cơ sở để thu hút một số dự án lớn qui mô lớn. Huy động các nguồn lực của các tổ chức quốc tế hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu. Những thành tựu đạt được qua các thời kỳ là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển trong thời gian đến. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi phải tiếp tục đề ra những giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả mới có thể đưa Quảng Nam phát triển nhanh và bền vững. Thách thức đối với tỉnh là áp lực cạnh tranh với các tỉnh có có mức độ phát triển tương đương hoặc cao hơn trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu là nguy cơ lâu dài đối với với phát triển bền vững của tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phải được đặt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cả nước và tuân thủ chặt chẽ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; ưu tiên phát triển vùng động lực là vùng Đông, trọng tâm là Khu Kinh tế mở Chu Lai.

2. Khai thác tối đa có hiệu quả nguồn nội lực và thu hút các nguồn ngoại

lực, nâng cao tốc độ và chất lượng tăng trưởng trong từng ngành, từng lĩnh vực. Phát triển các sản phẩm, dịch vụ có năng lực cạnh tranh, tham gia sâu vào chuỗi giá trị của sản phẩm trên thị trường trong nước và quốc tế. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư đa ngành.

3. Tăng trưởng kinh tế nhanh gắn với phát triển bền vững, tạo nhiều việc làm, gắn kết phát triển thành thị và nông thôn. Giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, không ngừng nâng cao mức sống dân cư, giảm thiểu khoảng cách giàu nghèo, giảm sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa miền núi và đồng bằng.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo động lực phát triển. Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng từ bên ngoài, nhất là công nhân và lao động kỹ thuật, các chuyên gia về công nghệ và quản lý, đội ngũ các doanh nhân.

5. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với việc đảm bảo môi trường sinh thái. Chủ động phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Kết hợp hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế với giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng.

III. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

1. Mục tiêu chung

Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và phát triển bền vững. Cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động xã hội; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, bảo vệ tốt môi trường sinh thái; tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước vào năm 2030.

2. Chỉ tiêu chủ yếu

a) Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hằng năm từ 7,5 - 8%.

(2) GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 từ 110 - 113 triệu đồng.

(3) Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hằng năm 9% (trong đó, thu nội địa tăng bình quân 10%/năm, thu xuất nhập khẩu tăng bình quân 4%/năm).

(4) Tỷ trọng các ngành trong GRDP đến năm 2025: Công nghiệp - xây dựng từ 35,8 - 36%; dịch vụ từ 37,2 - 37,3%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp từ 17,5 - 17,4%; nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 9,5 - 9,3%.

(5) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 khoảng 37%; trong đó, phấn đấu xây dựng thành phố tỉnh lỵ Tam Kỳ cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025, từng bước xây dựng đô thị sinh thái, thông minh và đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2030.

- (6) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa bình quân 10%/năm.
- (7) Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GRDP trên 30%.
- (8) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân từ 6,8 - 7,3%/năm.
- (9) Số lượt khách du lịch đến năm 2025 đạt khoảng 12 triệu lượt khách.
- (10) Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa vào năm 2025 trên 99%.

b) Các chỉ tiêu về xã hội

- (11) Đến năm 2025, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 71 - 72%.
- (12) Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 70 - 75%; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; số lao động có việc làm tăng thêm 80.000 người.
- (13) Phần đầu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của toàn tỉnh giảm còn 2,87% (trong đó, tỷ lệ hộ nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội khoảng 1,83%)³¹.
- (14) Đến năm 2025, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; có 12 bác sỹ/01 vạn dân; 43,6 giường bệnh/01 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 20%.
- (15) Đến năm 2025, có 70% trường mầm non, 95% trường tiểu học, 80% trường trung học cơ sở, 60% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia.
- (16) Đến năm 2025, có 160 xã, chiếm 80% số xã đạt chuẩn NTM (trong đó, 64 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu); không còn huyện không có xã đạt chuẩn NTM, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí; có 09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (trong đó, có 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu).
- (17) Thu nhập bình quân đầu người tính theo thu nhập thực tế đến năm 2025 từ 68 - 70 triệu đồng.
- (18) Phần đầu đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh không còn nhà tạm bợ³².

c) Các chỉ tiêu về môi trường

- (19) Đến năm 2025, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch đạt 90%.
- (20) Đến năm 2025, 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các đô thị và 95% tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý; 95% chất thải rắn công nghiệp thông thường, 80% chất thải nguy hại, 100% chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý.
- (21) Đến năm 2025, 100% các khu công nghiệp đang hoạt động và 50% cụm công nghiệp có tỷ lệ lấp đầy trên 50% có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn về môi trường.

³¹ Chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2021 - 2025.

³² Đảm bảo tiêu chuẩn 3 cứng: Nền cứng, khung cứng, mái cứng.

(22) Đến năm 2025, không phát sinh mới các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 100% các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng nằm trong danh mục được khắc phục ô nhiễm và đưa ra khỏi danh mục.

(23) Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 61%.

d) Chỉ tiêu quốc phòng và an ninh

(24) Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu giao; 100% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trên 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị; chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; cải thiện môi trường đầu tư và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Thực hiện tổng kết việc thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá về đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 để ban hành cơ chế, chính sách và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể cần tập trung thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá chiến lược trong giai đoạn 2021-2025 một cách hiệu quả gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.

a) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị

Xây dựng và hoàn thành có chất lượng quy hoạch tỉnh theo đề cương nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; rà soát các quy hoạch chuyên ngành có tầm nhìn, tổ chức quản lý phát triển một cách đồng bộ, khắc phục tình trạng quản lý chia cắt, cục bộ ngành và địa phương. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, đa dạng hóa hình thức đầu tư để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung cho các công trình, dự án quan trọng, có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân. Từng bước xây dựng, nâng cấp các tuyến đường giao thông khớp nối theo quy hoạch; xây dựng các công trình cầu vượt sông, cầu vượt đường sắt, cầu vượt Quốc lộ 1A, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội.

Huy động các nguồn lực để thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện và phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình, dự án quan trọng, có sức lan tỏa, tạo động lực thúc đẩy phát triển, như: Hệ thống cảng biển và sân bay quốc tế Chu Lai gắn với logistics; hạ tầng đáp ứng yêu cầu dự án khí - điện; hệ thống giao thông kết nối phía Tây với phía Đông của tỉnh, các tuyến đường có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh ở khu vực miền núi; hạ tầng cửa khẩu và giao thông cho thương mại qua biên giới, hành lang kinh tế Đông - Tây... Xem xét, lựa chọn đầu tư các điểm nghẽn giao thông; trong đó, chú trọng đầu tư một số cầu qua sông Trường Giang, sông Cồ Cò để kết nối vùng Đông; huy động các nguồn lực xây dựng các cầu thiết yếu qua các

tuyến đường sắt, quốc lộ và qua các sông Thu Bồn, Vu Gia, Cù Cù để liên kết phát triển.

Tập trung thu hút đầu tư, hoàn chỉnh hạ tầng các khu công nghiệp hiện có; nghiên cứu phát triển thêm các khu, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch.

Xây dựng đô thị đạt các tiêu chí theo quy hoạch, cùng với nâng cao chất lượng các đô thị hiện có; định hướng mở rộng không gian phát triển đô thị ở những nơi có điều kiện, nhất là đô thị tỉnh lỵ. Xây dựng chương trình phát triển đô thị, các chuỗi đô thị gắn kết tương hỗ trong toàn tỉnh và kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận. Kiến trúc đô thị phải gắn với phát triển du lịch. Phát triển đô thị theo hướng đô thị thông minh và đô thị sinh thái. Quản lý chặt chẽ, công khai, minh bạch thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh. Tổng kết việc thực hiện chủ trương về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh; đề ra các cơ chế, chính sách và nhiệm vụ, giải pháp phát triển đô thị bền vững đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 37%.

Tiếp tục đầu tư xây dựng tại các huyện chưa có thị trấn như Nông Sơn, Nam Trà My, Tây Giang; hoàn chỉnh các tiêu chí đối với các cấp đô thị tại Trung tâm hành chính của huyện theo quy định. Từng bước đầu tư, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho các đô thị Thạnh Mỹ, Khâm Đức, Trà My trở thành đô thị trung tâm vùng, tạo động lực phát triển lan tỏa, kết nối với Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang và các cơ sở kinh tế - kỹ thuật trong vùng.

Phát triển đô thị Hội An thành đô thị đặc thù tương đương tiêu chí đô thị loại II, Điện Bàn thành đô thị loại III, hướng đến là thành phố trực thuộc tỉnh giai đoạn 2025-2030; hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho Ái Nghĩa. Hình thành 03 đô thị mới (Duy Hải - Duy Nghĩa, Bình Minh và Bình Hải) là đô thị loại V và từng bước kết nối hình thành chuỗi đô thị Nam Hội An đạt các tiêu chí đô thị loại IV theo hướng đô thị du lịch, dịch vụ cấp vùng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV cho Nam Phước, Hà Lam; xây dựng Duy Xuyên hướng đến là thị xã vào năm 2030.

Hình thành chuỗi đô thị phía Nam gồm Phú Ninh, Tam Kỳ, Núi Thành, lấy Tam Kỳ làm trung tâm. Xây dựng thành phố Tam Kỳ cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại I vào năm 2025 và phấn đấu đến năm 2030 đạt tiêu chí đô thị loại I; trong đó, định hướng không gian đô thị phải đảm bảo hình thành vùng động lực, có quy mô dân số, diện tích theo quy định của Trung ương. Trên cơ sở đó, xây dựng đề án, cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố Tam Kỳ để phát triển xứng tầm là đô thị tỉnh lỵ Quảng Nam; nâng đô thị Núi Thành đạt tiêu chí đô thị loại III.

Huy động các nguồn vốn từ ngân sách, đất đai, nguồn xã hội hóa và nhất là nguồn vốn ODA để thực hiện các dự án hạ tầng phát triển tổng hợp tỉnh Quảng Nam, đầu tư phát triển hạ tầng các đô thị động lực, các tuyến giao thông kết nối, thu gom và xử lý nước thải, ứng phó với biến đổi khí hậu. Mời các tổ chức tư vấn quốc tế có uy tín tham gia thực hiện điều chỉnh Quy hoạch vùng của tỉnh và tham gia Quy hoạch tỉnh Quảng Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị và một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chủ động tham gia tích cực, có lộ trình nhằm ứng dụng hiệu quả những thành tựu cơ bản, thiết thực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số của bộ máy công vụ, quản lý nhà nước, dữ liệu dân cư để hướng đến phát triển kinh tế số; phấn đấu xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số.

Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số để quản lý nhanh hơn, minh bạch, hiệu quả hơn; thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ để chuyển đổi hệ thống sản xuất - kinh doanh, tối ưu hóa phân bổ nguồn lực; thúc đẩy khoa học - công nghệ và nghiên cứu phát triển, bảo đảm năng lực cạnh tranh chiến lược. Rà soát các dữ liệu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cơ bản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực theo hướng đào tạo phát triển năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ số liên tục thay đổi và phát triển. Đổi mới cơ chế khuyến khích, thu hút, sử dụng hiệu quả, đãi ngộ, tôn vinh nguồn nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng các chính sách thu hút mạnh mẽ, tạo môi trường làm việc thuận lợi, đồng thời với việc đào tạo về năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ hiện đại. Khuyến khích và ưu đãi đối với mọi tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, tạo ra sản phẩm và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020. Xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 gắn với các ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển và nhu cầu sử dụng lao động tại Khu kinh tế mở Chu Lai và các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Xúc tiến đưa Trường Đại học Quảng Nam trở thành thành viên của Đại học Đà Nẵng, xây dựng các trường cao đẳng công lập theo hướng tự chủ, hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, kỹ thuật cho cán bộ và Nhân dân trong tỉnh. Phát triển mạnh đào tạo nghề và hỗ trợ đào tạo kỹ năng cho chuyển đổi công việc. Thực hiện theo lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Chuẩn hoá và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

c) Cải thiện môi trường đầu tư mạnh mẽ, phát triển doanh nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ cải cách hành chính; công khai, minh bạch tất cả thông tin, thủ tục hành chính, kiên quyết loại bỏ chi phí không chính thức; tạo môi trường đầu tư thật sự thông thoáng, hấp dẫn. Phấn đấu duy trì và giữ vững Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có điểm số cao nhất cả nước nhằm quảng bá hình ảnh và thúc đẩy thu hút mạnh các nhà đầu tư có quy mô lớn, thương hiệu để đầu tư dự án then chốt trên các lĩnh vực với công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao, thân thiện với môi trường.

Nâng cao năng lực thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư; chủ động tạo quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư chiến lược. Chuẩn bị mặt bằng sạch cho các dự án, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về các thủ tục hành chính cho nhà đầu tư; thực hiện tốt việc công khai các quy hoạch để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận thông tin triển khai dự án. Đẩy mạnh thu hút nhà đầu tư có quy mô lớn, thương hiệu để đầu tư dự án then chốt trên các lĩnh vực với công nghệ hiện đại, hàm lượng trí tuệ cao, thân thiện với môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, sản phẩm mang lợi thế cạnh tranh cao, có thể tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách. Ưu tiên khuyến khích các dự án phát triển năng lượng tái tạo. Xây dựng danh mục dự án trọng điểm để kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 - 2025. Rà soát, đánh giá lại các chính sách đã ban hành; đồng thời, ban hành chính sách mới thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn, miền núi.

Thúc đẩy hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp, nhất là các tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có công nghệ hiện đại để làm nòng cốt, mũi nhọn phát triển kinh tế. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, chú trọng thu hút các công ty đa quốc gia lớn, lan tỏa hiệu quả tới khu vực kinh tế. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để phát triển mạnh mẽ lực lượng doanh nghiệp. Thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc kịp thời cho doanh nghiệp. Mở rộng hợp tác quốc tế, hợp tác với các tổ chức uy tín trong và ngoài nước; tăng cường các hoạt động liên kết vùng, liên kết ngành để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đăng cai tổ chức các sự kiện lớn của đất nước, qua đó thu hút du khách và thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng đến với tỉnh.

Hoàn thiện Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo lập môi trường thuận lợi, cơ chế hỗ trợ cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hình thành và phát triển doanh nghiệp, dự án khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng văn hóa khởi nghiệp và thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội. Phát triển quỹ đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp; phát triển mạng lưới tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp. Thường xuyên tổ chức kết nối, hợp tác và tham gia Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước. Trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp sáng tạo cho cán bộ và Nhân dân, nhất là phụ nữ, nông dân, thanh niên, sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

2. Phát triển mạnh mẽ vùng đồng bằng ven biển; tập trung nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du, miền núi

a) Đối với vùng đồng bằng ven biển

Tổ chức lại và thúc đẩy triển khai nhanh hơn, đưa vào hoạt động có hiệu quả tất cả các nhóm dự án trọng điểm vùng Đông Nam. Phát triển các Trung tâm thương mại - dịch vụ gắn với đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, các khu du lịch - dịch vụ sinh thái, vui chơi, nghỉ dưỡng cao cấp ven biển quy mô lớn với các sản phẩm đặc thù. Hình thành những khu dân cư, khu đô thị văn minh, từng bước hiện đại với kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tạo quỹ đất sạch để thu hút các dự án quy mô lớn có sức lan tỏa, thúc đẩy phát triển toàn vùng.

Ban hành các cơ chế, chính sách, đề án cụ thể để xây dựng vùng đồng bằng ven biển của tỉnh trở thành chuỗi đô thị - trung tâm dịch vụ, du lịch - công nghiệp sạch - nông nghiệp công nghệ cao; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phục hồi hệ sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phấn đấu đưa kinh tế biển và vùng ven biển của tỉnh phát triển mạnh, giữ vai trò chủ lực trong nền kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo như:

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các dự án trọng điểm, ưu tiên thu hút đầu tư, tạo ra giá trị gia tăng lớn trong các lĩnh vực: Kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cảng biển, sân bay, đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển du lịch, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Hoàn thiện đường ven biển Võ Chí Công từ sân bay Chu Lai đến Hội An. Xây dựng, hoàn thành các tuyến đường ngang kết nối đường cao tốc, Quốc lộ 1A với đường ven biển Võ Chí Công và hệ thống giao thông kết nối các khu chức năng, các nhóm dự án trọng điểm và giao thông liên vùng.

Thực hiện trước công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để đón đầu thu hút các dự án lớn. Hoàn thiện các khu dân cư tái định cư, nghĩa trang; xây dựng các khu dân cư mới phù hợp với yêu cầu giải phóng mặt bằng, sắp xếp dân cư theo từng dự án, phù hợp với đặc điểm của từng vùng để chuẩn bị đủ quỹ đất tái định cư, quỹ nhà ở và khu đất cải táng để phục vụ yêu cầu giải phóng mặt bằng cho các dự án lớn.

Xây dựng, tích hợp quy hoạch cấp, thoát nước vùng Đông vào quy hoạch tỉnh và quy hoạch vùng liên huyện nhằm đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng nước của Nhân dân, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển trong dài hạn của toàn bộ vùng Đông. Hoàn thiện các dự án xử lý nước thải tập trung theo kế hoạch đề ra nhằm bảo đảm môi trường.

Tiếp tục thực hiện các chương trình điều tra đánh giá, khảo sát hiện trạng tài nguyên và môi trường vùng bờ, hệ sinh thái biển của tỉnh; triển khai thực hiện hiệu quả công tác thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Quảng Nam. Xúc tiến quy trình thành lập khu bảo tồn biển tại huyện Núi Thành; xây dựng mạng lưới các tiểu khu bảo tồn biển từ Cù Lao Chàm (Hội An) đến Tam Hải (Núi Thành).

b) Đối với khu vực trung du, miền núi

Tổ chức tổng kết việc thực hiện chủ trương về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội và Đề án của Chính phủ về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Tập trung tạo đột phá trong thực hiện các nhóm dự án lớn tại vùng Tây của tỉnh. Khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của khu vực miền núi, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển bền vững kinh tế - xã hội; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối giữa đồng bằng và miền núi, tạo động lực cho phát triển và các công trình công cộng, phúc lợi cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoàn thành việc sắp xếp, ổn định dân cư, phát triển sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, phù hợp với điều kiện địa hình, xu thế biến đổi khí hậu, kinh tế, văn hóa của nhân dân miền núi.

Tập trung phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại; xúc tiến hỗ trợ hình thành các trung tâm giống nông lâm chất lượng cao, các khu sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp tập trung gắn với liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế vùng miền núi; phục vụ nhu cầu xuất khẩu một số loại nông sản, dược liệu. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Phát triển trồng rừng sản xuất, chú trọng và tạo chuyển biến rõ nét về trồng rừng gỗ lớn, phát triển cây nguyên liệu, dược liệu, sâm Ngọc Linh và lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng để nâng cao thu nhập cho người dân, hạn chế thấp nhất tác động trái phép đến rừng. Chú trọng việc tạo ra quỹ đất sản xuất cho người dân, phát triển rừng thay thế. Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ đầu ra cho sản xuất nông lâm nghiệp. Xây dựng các điểm, cụm công nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ sở chế biến lâm sản, phát triển cây công nghiệp, cây nguyên, dược liệu, cây ăn quả và một số cây bản địa có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng địa phương, những nơi có điều kiện mặt bằng, giao thông thuận lợi để chế biến sâu, nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm; kết hợp xây dựng các mô hình mẫu để hướng dẫn và nhân rộng trong Nhân dân, từng bước xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc trưng của miền núi.

Cải thiện sinh kế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân khu vực trung du, miền núi. Thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cảnh quan thiên nhiên, gắn với phát triển kinh tế du lịch. Đầu tư xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi thể thao, giải trí, phát triển mạng lưới phát thanh, truyền hình tại các thôn, xã; nâng cao chất lượng phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với

xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục tăng cường công tác bảo vệ rừng, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học.

Hỗ trợ đầu tư hạ tầng, khôi phục và phát triển các làng nghề để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử, cộng đồng, du lịch làng nghề truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số, du lịch vùng Sầm... Hình thành các sản phẩm du lịch mới, độc đáo; hình thành liên kết phát triển du lịch vùng Đông - Tây của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

Thực hiện tốt công tác kết nghĩa, hỗ trợ, giúp đỡ các xã biên giới, đất liền; nâng cao chất lượng công tác kết nghĩa, giúp phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững.

Bên cạnh việc phát triển các vùng của tỉnh, cần liên kết mạnh mẽ với các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để thúc đẩy phát triển thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển du lịch, vận tải và các lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế,... tăng cường sử dụng các hạ tầng chung, liên kết để thúc đẩy sản xuất, quảng bá hình ảnh, phân phối, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm; hợp tác phát triển.

c) Phát triển Khu kinh tế mở Chu Lai giai đoạn mới đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, phấn đấu trở thành khu kinh tế động lực của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước

Tiếp tục xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai theo mô hình khu kinh tế tổng hợp, bao gồm các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu phi thuế quan... Lấy cơ chế mở làm tư tưởng đột phá xuyên suốt và được xem xét điều chỉnh thích ứng với thị trường toàn cầu, đưa Khu kinh tế mở Chu Lai trở thành đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của tỉnh và động lực kết nối phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Tích cực làm việc với Trung ương để đề xuất áp dụng một số cơ chế đặc thù riêng cho các dự án động lực trong Khu kinh tế mở Chu Lai, tạo điều kiện thực hiện hoàn thành mục tiêu đề ra.

Tổ chức lập quy hoạch phân khu các khu chức năng trong Khu kinh tế mở Chu Lai theo quy hoạch chung xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đầu tư đồng bộ các trục giao thông quan trọng, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển các khu chức năng.

Phối hợp, thúc đẩy các cơ quan Trung ương lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, có năng lực đầu tư xây dựng sân bay Chu Lai thành Trung tâm dịch vụ hàng không quốc tế đa chức năng. Đầu tư phát triển cảng biển Chu Lai thành cảng loại I quốc gia, đảm bảo cho tàu từ 30.000 - 50.000 DWT. Phát triển khu cảng cá và dịch vụ hậu cần nghề cá Tam Quang, đảm bảo tiêu chí cảng loại I.

Thúc đẩy phát triển Khu phức hợp ô tô Chu Lai - Trường Hải có quy mô ngang tầm khu vực, tiến đến hình thành Trung tâm cơ khí đa dụng và ô tô quốc gia, làm động lực lan tỏa cho cả Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

Thúc đẩy triển khai đưa vào hoạt động Trung tâm khí điện miền Trung;

xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp khí điện với các ngành công nghiệp năng lượng và công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, các ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm sau khí.

Mở rộng diện tích khu công nghiệp Đông Nam Thăng Bình theo định hướng (800 ha), thu hút phát triển các ngành công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp khác. Phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ gắn với các khu dân cư tại vùng Đông thành phố Tam Kỳ, các khu đô thị Núi Thành.

Hình thành trục đô thị - du lịch ven sông Cỏ Cò. Đẩy mạnh đầu tư chuỗi du lịch - dịch vụ cao cấp ven biển, dọc theo sông Trường Giang và tuyến đường Võ Chí Công; kết hợp phát triển du lịch cộng đồng với các làng nghề thủ công truyền thống, du lịch sinh thái đồng quê. Phát triển các khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật gắn với sắp xếp, bố trí lại dân cư hợp lý. Phấn đấu đến năm 2025, hình thành được một số khu du lịch lớn tại vùng Đông Nam Thăng Bình, Vùng Đông Tam Kỳ và huyện Núi Thành. Phát triển du lịch theo định hướng quy hoạch, du lịch đặc thù, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, hiện đại gắn với các khu đô thị có chức năng dịch vụ - du lịch; du lịch nông nghiệp, trải nghiệm, làng nghề thủ công truyền thống.

Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng hoàn chỉnh khu công nghiệp chuyên nông - lâm nghiệp Thaco Chu Lai nhằm thu hút, đầu tư các dự án công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp, tạo tiền đề chuyển dịch nền nông nghiệp Quảng Nam theo hướng sản xuất hàng hóa. Xây dựng, phát triển mô hình khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Sa (190 ha); Bình Giang, Bình Phục (150 ha); Bình Dương (370 ha); xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Bình Sa, Bình Nam của huyện Thăng Bình và xã Tam Tiến của huyện Núi Thành nhằm hình thành các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, cung cấp nguyên liệu rau quả, thực phẩm theo hướng hữu cơ, an toàn, đạt chất lượng cao, cung ứng cho thị trường trong tỉnh và khu vực lân cận. Duy trì cảnh quan nông nghiệp đô thị tại các khu vực dọc sông Trường Giang, hồ Sông Đầm, xây dựng các vùng du lịch sinh thái nông nghiệp chất lượng cao.

Tổ chức lại cơ quan đầu mối tổ chức triển khai các nhóm dự án theo hướng kiện toàn lại bộ máy quản lý nhà nước của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý trong Khu kinh tế được quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP, ngày 22/5/2018 của Chính phủ, gắn với thực hiện quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai đã được duyệt.

3. Cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ - du lịch

a) Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với cơ cấu ngành, vùng và thành phần kinh tế

Cơ cấu kinh tế phải gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội phù hợp với định hướng trong Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân vùng kinh tế của quốc gia, nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tăng thu nhập thực tế cho Nhân dân³³; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển song song ngành công nghiệp và dịch vụ, trong đó, lấy phát triển dịch vụ - du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

Đối với cơ cấu ngành kinh tế, thay đổi cơ cấu ngành kinh tế truyền thống sang cơ cấu ngành kinh tế hiện đại, phát triển bền vững theo chiều sâu, chủ yếu dựa vào lợi thế đổi mới công nghệ, thân thiện môi trường, ít hao tổn tài nguyên, năng suất và giá trị gia tăng cao.

Đối với cơ cấu thành phần kinh tế, cần cải thiện cơ chế, môi trường đầu tư để thúc đẩy mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế nhà nước chỉ đảm bảo hiệu quả trong cung cấp các dịch vụ công và phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Đối với cơ cấu vùng kinh tế, phát triển theo đúng quy hoạch và định hướng đã đề ra, ưu tiên đầu tư cho vùng động lực phía Đông của tỉnh, nhưng phải đảm bảo sự kết nối, tương hỗ phát triển với vùng Tây. Trong dài hạn tăng dần đầu tư cho vùng Tây để giảm dần khoảng cách phát triển giữa 2 vùng.

Để thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, cần tập trung: (1) Hỗ trợ mạnh mẽ để phát triển các loại hình doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; sửa đổi bổ sung, đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ cần thiết đối với khởi nghiệp sáng tạo; khuyến khích nghiên cứu và phát triển, áp dụng khoa học công nghệ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ và thu hút nhân tài để vận hành nền kinh tế dựa trên công nghệ; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, chú trọng thu hút các công ty đa quốc gia lớn, lan tỏa hiệu quả tới khu vực kinh tế. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để phát triển mạnh mẽ lực lượng doanh nghiệp. (2) Cơ cấu lại thu, chi ngân sách theo hướng thúc đẩy phát triển vùng động lực, sử dụng nguồn lực tài chính tiết kiệm, hiệu quả hơn; thực hành tiết kiệm chi tiêu đầu tư công và chi thường xuyên trong khả năng cân đối ngân sách; ưu tiên chi ngân sách cho các nhiệm vụ trọng yếu, chiến lược, để lan tỏa phát triển chung toàn tỉnh; tăng cường quản lý nợ đầu tư công, kiểm soát chặt và sử dụng hiệu quả vốn vay. (3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, cơ cấu nền kinh tế theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; cần có giải pháp cho toàn bộ nền kinh tế, cũng như giải pháp đối với từng ngành, từng lĩnh vực, từng vùng và từng địa phương một cách cụ thể, trên cơ sở áp dụng và đổi mới phát triển công nghệ để tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực. (4) Thiết lập các hệ thống công cụ ứng dụng để phục vụ cho cơ cấu nền kinh tế trong trạng thái mới; phát triển nhanh, đồng bộ chính quyền điện tử, chuyển đổi nhanh chính quyền điện tử sang chính quyền số, gắn liền với phát triển hạ tầng dịch vụ số, nhằm tối ưu hóa các hoạt động của nền kinh tế; sử dụng các nguồn lực tài chính, đất đai, lao động, khoa học công

³³ Từng bước chuyển từ mục tiêu tăng trưởng GRDP sang mục tiêu tăng thu nhập thực tế cho Nhân dân.

nghệ,... phát triển các ngành, lĩnh vực với hiệu quả kinh tế cao nhất.

b) Phát triển dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP. Tập trung phát triển những ngành dịch vụ có hàm lượng trí tuệ và công nghệ cao³⁴, tạo đột phá để thu hút nhiều hơn vốn đầu tư của tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài vào những ngành dịch vụ. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ có khả năng thúc đẩy sự phát triển một số ngành công nghiệp trọng yếu và cùng tham gia hình thành chuỗi giá trị. Xây dựng mô hình kinh tế ban đêm, kinh tế đô thị; phát triển một số đô thị theo hướng đô thị thông minh, sử dụng công nghệ làm nền tảng cho việc quản lý và phát triển để thúc đẩy phát triển ngành dịch vụ - du lịch.

Đa dạng hóa và tạo ra các sản phẩm du lịch mới; xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp với lợi thế của tỉnh Quảng Nam như: Văn hóa, nghỉ dưỡng biển, sinh thái, làng quê, thiên nhiên, cộng đồng. Trong đó, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững, gắn với tạo thương hiệu cạnh tranh lâu dài. Tạo môi trường du lịch tốt, đẩy mạnh hình thành chuỗi các trung tâm hàng lưu niệm và đặc sản của địa phương. Thực hiện kết nối một số điểm tham quan du lịch mới được hình thành và những điểm du lịch tiềm năng chưa được khai thác, liên kết thành chuỗi du lịch liên vùng nội tỉnh, liên tỉnh và khu vực.

Tiếp tục phát triển mạnh mẽ lĩnh vực du lịch, đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, nhất là chuỗi liên kết du lịch đáp ứng bộ tiêu chuẩn du lịch quốc tế, đi đôi với bảo tồn, phát triển di tích, di sản, nhất là di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn, khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh, văn hóa con người Quảng Nam. Phát triển du lịch về phía Nam và phía Tây của tỉnh, ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp với lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh liên kết khu vực, hình thành các tour, tuyến du lịch chung giữa các tỉnh, khu vực ASEAN và các nước. Chuyển ưu tiên từ thu hút số lượng du khách sang chất lượng du khách và doanh thu du lịch.

Tăng đầu tư hạ tầng du lịch tương xứng với tiềm năng và định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đặc biệt là hạ tầng tại các khu, điểm du lịch. Phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành một trong những trung tâm du lịch lớn của cả nước. Nâng cao đẳng cấp các khu du lịch đã có, nhất là ở khu vực Hội An, ven biển; đồng thời, mở rộng không gian du lịch và tạo lập các trung tâm du lịch phía Tây và phía Nam của tỉnh. Hình thành cảng thủy nội địa du lịch tại các địa bàn có điều kiện thuận lợi phát triển du lịch đường biển và đường sông, trước hết là trên các tuyến sông Vĩnh Điện, Cù Cò, Thu Bồn và Trường Giang.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển thương mại, dịch vụ của

³⁴ Viễn thông, tài chính - ngân hàng, giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ văn hóa - thể thao, khoa học - công nghệ, logistics,...

tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kêu gọi xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp dịch vụ logistics, gồm: Dịch vụ vận tải, kho bãi, cảng biển, dịch vụ cảng nội địa (ICD), trung tâm dịch vụ logistics, ga hàng hóa, bốc dỡ hàng hóa, giao nhận vận tải, đại lý vận tải, đại lý tàu biển, đại lý hải quan, đại lý phát chuyển nhanh và các dịch vụ logistics khác có liên quan. Hình thành các trung tâm buôn bán đầu mối gắn liền với từng khu vực đồng bằng, miền núi, kết hợp với phát triển đô thị phía Bắc, phía Nam và phía Tây của tỉnh.

c) Phát triển công nghiệp bền vững theo chiều sâu, ưu tiên những ngành có lợi thế, có sức cạnh tranh, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng công nghệ cao, tăng tỷ lệ nội địa, tăng cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao. Tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo, kỹ thuật số, tự động hóa; đồng thời, giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp. Phát triển công nghiệp kết hợp cả chiều rộng và chiều sâu để hình thành các trung tâm công nghiệp theo vùng (đồng bằng, trung du, miền núi) gắn với lợi thế và nguồn lực của từng vùng. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, chủ động các nguồn nguyên liệu để phục vụ cho sản xuất.

Hỗ trợ nghiên cứu đổi mới, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, tạo ra các sản phẩm chất lượng, có giá trị gia tăng cao, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, giảm thiểu chất thải, bảo vệ môi trường.

Xây dựng các khu, cụm liên kết ngành tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thu hút và phát triển nhóm ngành công nghiệp chủ lực³⁵. Duy trì quy mô hiện tại, tăng giá trị sản xuất trực tiếp, giảm gia công đối với ngành dệt may và công nghiệp hỗ trợ ngành may, da giày. Chú trọng hỗ trợ phát triển đa dạng ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, dược liệu... nhằm tăng giá trị, hạn chế xuất thô và ổn định đầu ra cho sản xuất nông nghiệp.

Đầu tư hạ tầng công nghiệp gắn với giải quyết tốt vấn đề môi trường, xử lý nước thải, chất thải công nghiệp. Kết nối phát triển hạ tầng công nghiệp với phát triển mạng lưới giao thông liên kết vùng, miền. Giải quyết tốt hạ tầng xã hội như: Nhà ở, cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở giáo dục, nhà trẻ tại các khu, cụm công nghiệp.

d) Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới bền vững

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng NTM đi vào thực chất, hiệu quả, bền vững, đem lại sự chuyển biến tích cực đến cuộc sống của người dân ở nông thôn; tiến đến xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu gắn với phát triển làng nghề, du lịch nông nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, miền trên địa bàn tỉnh theo hướng lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn nông thôn với Chương trình NTM. Xây dựng cơ chế huy động và sử dụng nguồn vốn NTM giai đoạn 2021 – 2025. Đề án giao thông nông thôn, kiên cố hóa đường ĐH giai đoạn 2020 – 2025. củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt đảm bảo bền vững, hướng tới xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM kiểu mẫu.

³⁵ Khí điện, ô tô và công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí, ô tô, năng lượng, điện tử dân dụng, công nghiệp chế biến, chế tạo.

Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp; xây dựng Đề án về chính sách tích tụ, tập trung đất đai để hình thành các vùng sản xuất lớn, chuyên canh gắn với việc liên kết doanh nghiệp với địa phương, hợp tác xã và nông dân. Đẩy nhanh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa tập trung, an toàn, ứng dụng rộng rãi kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất; nghiên cứu chuyển đổi từ nền nông nghiệp sản xuất lương thực là chủ yếu sang nền nông nghiệp thực phẩm và cây dược liệu, gắn với công nghiệp chế biến.

Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; Đề án phát triển chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, chú trọng gắn kết phát triển nông nghiệp hữu cơ với phát triển sản phẩm du lịch ở các vùng ven đô thị, vùng trung du miền núi và vùng đồng bằng ven biển của tỉnh. Mỗi huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án, kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị và phát triển bền vững, có ít nhất một mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp có hiệu quả để nhân rộng.

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, kết nối chặt chẽ xây dựng NTM với quá trình đô thị hóa. Xây dựng cơ chế để thu hút mạnh các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông thôn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao để xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị; đồng thời, chủ động tìm đầu ra (trong nước và xuất khẩu), làm cơ sở để tổ chức sản xuất, xem đây là khâu đột phá cho phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Xây dựng và phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới để liên kết, hỗ trợ nông dân. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với xây dựng thương hiệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng Đề án phát triển nông - lâm - thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa; ứng dụng công nghệ, phát triển nông nghiệp kỹ thuật số trong canh tác nông nghiệp đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

Xây dựng Đề án phát triển Vườn Dược liệu quốc gia gắn với phát triển công nghiệp chế biến sâu dược liệu quý tỉnh Quảng Nam, hình thành ngành công nghiệp mới trên địa bàn tỉnh có giá trị gia tăng cao.

Xây dựng các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân; khuyến khích phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, hợp tác xã, mô hình hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp để nâng cao năng lực tổ chức quản lý, hoạt động của hợp tác xã trong việc liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng vùng sản xuất tập trung, cung cấp dịch vụ đầu vào trong sản xuất nông nghiệp.

4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo

Tổ chức đánh giá việc thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Nam đến năm 2020. Xây dựng đề án phát triển giáo dục ngay từ bậc học mầm non đến đại học nhằm mục tiêu xây dựng, phát huy các giá trị chuẩn mực con người Việt Nam gắn với bản sắc văn hóa con

người Quảng Nam, phát triển toàn diện nhân cách, thể lực, trí lực, tinh thần cho học sinh... góp phần hình thành một thể hệ công dân mới đáp ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thời kỳ phát triển mới của đất nước.

Tăng cường vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Người học là chủ thể trung tâm của quá trình giáo dục; gia đình có trách nhiệm phối hợp với nhà trường và xã hội trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các cấp; nâng cao đạo đức nghề nghiệp, tác phong nhà giáo. Rà soát, sắp xếp lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với vị trí việc làm, đảm bảo sự cân đối, hợp lý về số lượng, chất lượng giữa các cấp học, giữa các vùng, miền trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển đội ngũ nhà giáo ở các huyện miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để đảm bảo việc duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Rà soát quy hoạch, triển khai Đề án sắp xếp, phát triển hệ thống trường học và cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, khu vực, phấn đấu đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất trường lớp tốt nhất cho dạy và học. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo. Nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở tất cả các bậc học. Chuyển đổi Trường Đại học Quảng Nam trở thành thành viên của đại học vùng.

Tiếp tục thực hiện giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Tiếp tục cập nhật đổi mới và thực hiện có hiệu quả chương trình tư vấn hướng nghiệp nhằm giúp đánh giá đúng năng lực, khả năng bản thân cũng như gia đình; tìm hiểu thông tin về nghề nghiệp, để từ đó có lựa chọn và định hướng nghề nghiệp cho tương lai, tránh được lãng phí cho gia đình và xã hội.

Tăng cường cơ sở vật chất, kiên cố hóa trường, lớp học, đầu tư trang thiết bị đảm bảo các điều kiện dạy học theo hướng đổi mới. Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chất lượng giáo dục, trường học kiểu mẫu. Xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Quan tâm thích đáng đến đầu tư cho giáo dục và đào tạo chất lượng cao, trình độ cao và cho vùng khó khăn, đồng bào dân tộc ít người. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, nền nếp, kỷ cương; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

5. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao mạnh mẽ khoa học và công nghệ, thông tin truyền thông

Triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung đầu tư các trung tâm nghiên cứu và phát triển phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo mọi điều kiện để khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hợp lý, đồng bộ các lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn theo hướng đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, hướng tới sản phẩm hàng hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng và tăng cường hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đổi mới sáng tạo. Đa dạng hoá các nguồn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Thúc đẩy phát triển thị trường, tăng cường hợp tác về khoa học và công nghệ.

Xây dựng Đề án Phòng thí nghiệm, kiểm định chất lượng cao phục vụ chung cho các ngành: Khoa học và công nghệ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế... Xây dựng thương hiệu gắn với truy xuất nguồn gốc xuất xứ các sản phẩm đặc trưng, chủ lực của tỉnh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và đổi mới nội dung, phương pháp dạy - học. Phần đầu 90% các trường phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường, trong đó 70% trường học sử dụng sổ quản lý điện tử.

Ứng dụng và phát triển công nghệ số, công nghệ thông minh trong y tế, hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận thông tin y tế để sử dụng các dịch vụ y tế có hiệu quả cao, triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý trạm y tế, tiêm chủng, quản lý bệnh tật, hồ sơ sức khỏe người dân gắn với quản lý thẻ, thanh toán BHYT. Hoàn thiện các phần mềm quản lý và số hóa bệnh viện; xây dựng “bệnh viện thông minh” và triển khai hồ sơ bệnh án điện tử tại các cơ sở khám, chữa bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử.

Xác lập cơ chế đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ qua các chương trình mục tiêu của tỉnh và thống nhất quản lý kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; ưu tiên tập trung ngân sách sự nghiệp khoa học cho các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh. Đổi mới cơ chế quản lý về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo hướng đặt hàng gắn với cam kết ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ.

Phát triển lĩnh vực thông tin và truyền thông, đảm bảo hạ tầng bưu chính, viễn thông phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành cho chính quyền các cấp, người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên đầu tư hạ tầng viễn thông, truyền dẫn băng rộng đến các vùng khó khăn; phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để thúc đẩy chuyển đổi số. Rút ngắn khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, miền núi.

Đẩy mạnh các hoạt động thông tin truyền thông. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu chung phục vụ phát triển chính quyền điện tử, đồng bộ với hệ thống hạ tầng dữ liệu quốc gia. Ưu tiên đầu tư hạ tầng viễn thông, truyền dẫn băng rộng đến các vùng khó khăn; phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại để thúc đẩy chuyển đổi số. Tiến đến xử lý công việc trên môi trường mạng; nâng cao mức độ ứng dụng dịch vụ công trực tuyến, cải thiện năng lực quản lý hạ tầng số. Rút

ngắn khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn, miền núi. Tập trung quản lý nâng cao chất lượng, định hướng hoạt động lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình.

6. Phát triển văn hóa xã hội bền vững, bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân; đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững

Xây dựng, phát triển toàn diện con người về thể chất, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, năng lực thẩm mỹ, đời sống..., Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam, quan tâm giáo dục, chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Xây dựng môi trường sống, học tập và làm việc lành mạnh, công bằng về cơ hội và lợi ích. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khỏe của Nhân dân; đồng thời, làm cơ sở phát triển thể dục, thể thao thành tích cao.

Đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao; thực hiện tốt việc đầu tư tôn tạo, bảo vệ, khai thác và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể, các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng. Tiếp tục có kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của đồng bào các dân tộc, các giá trị tốt đẹp trong văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng, trong các lễ hội văn hoá. Gắn chặt và phát huy ưu thế của văn hoá trong phát triển du lịch; đồng thời, bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hoá. Xây dựng văn hoá lãnh đạo, văn hoá quản lý; chuẩn mực văn hoá gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới. Tăng cường xây dựng văn hoá doanh nghiệp, doanh nhân, làm cho văn hoá trở thành động lực giúp lực lượng sản xuất trực tiếp trong hoạt động kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện cho Hội Văn học nghệ thuật, văn nghệ sỹ tham gia sáng tác, biểu diễn, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân.

Tiếp tục thực hiện nghiêm, đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, cần thực hiện nghiêm túc, thường xuyên, kịp thời để phòng, chống dịch bùng phát, quay trở lại; đồng thời, khôi phục nhanh các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên rà soát, dự báo các tình huống và xây dựng phương án, kịch bản để chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, sẵn sàng ứng phó trong trường hợp dịch bệnh bùng phát trên diện rộng, bảo đảm phương án phản ứng nhanh, kịp thời, hành động đúng; tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác, không để mất kiểm soát. Thực hiện tốt công tác cách ly các đối tượng ở nước ngoài mới về. Song song với phòng chống các loại dịch bệnh, tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác y tế, nhất là chất lượng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, gắn với ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các hoạt động y tế; chú trọng y tế cơ sở, y tế dự phòng, công tác phòng, chống dịch. Nâng cao chất lượng công tác dân số và phát triển. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; vấn đề bình đẳng giới... Nâng cấp hạ tầng, mở rộng quy mô giường bệnh, phát triển một số kỹ thuật mũi nhọn y tế chuyên sâu ngang tầm khu vực miền Trung. Đầu tư các bệnh viện và đẩy mạnh xã hội hóa y tế. Kiện toàn, nâng cao năng lực tổ chức bộ máy và mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở.

Tập trung thực hiện công tác giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều, đặc biệt quan tâm khu vực đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; giảm dần khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, miền. Bảo đảm cung cấp tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu như: nhà ở, giáo dục, y tế, nước sạch, thu gom rác thải, thông tin truyền thông và các thiết chế văn hóa cơ bản. Đa dạng hóa nguồn vốn huy động để thực hiện công tác giảm nghèo, tăng cường bố trí ngân sách nhà nước cho dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; tăng cường huy động sự đóng góp của doanh nghiệp, vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

Gắn kết chặt chẽ trong thực hiện các chính sách kinh tế với các chính sách xã hội, phát triển kinh tế với nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Đa dạng hóa và đổi mới phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện các chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của từng nhóm xã hội, bảo đảm mọi người đều bình đẳng, có cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện, không để ai bị bỏ lại phía sau.

Chú trọng thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng trên cơ sở huy động mọi nguồn lực xã hội kết hợp với nguồn lực của Nhà nước, bảo đảm người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên. Đẩy mạnh thực hiện công nghệ thông tin quản lý, lưu trữ và khai thác hồ sơ người có công với cách mạng; đầu tư sửa chữa, nâng cấp công trình nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân.

Đổi mới các chính sách về giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân, nhất là tập trung giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp do chuyển đổi cơ cấu lao động theo cơ cấu kinh tế. Xây dựng Chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2021 - 2025. Đẩy mạnh và phát triển thị trường lao động; nâng cao chất lượng công tác dự báo và thông tin về thị trường lao động. Đảm bảo đào tạo nghề phải gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội, cai nghiện phục hồi, giáo dục, dạy nghề cho học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy, trường giáo dưỡng...

7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai

Tổng kết việc thực hiện chủ trương về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản và môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; đề ra nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện tốt Kết luận số 56-KL/TW, ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, ô nhiễm và thảm họa môi trường. Khắc phục cơ bản tình trạng lãng phí, khai thác trái phép làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị. Ứng dụng các thành tựu của khoa học - công nghệ để chế tạo ra các vật liệu xây dựng thay thế. Tạo bước cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Tập trung thực hiện tốt và đồng bộ việc thu gom, xử lý rác thải, chất thải trên địa bàn tỉnh, khuyến khích tái sử dụng, tái chế và sản xuất thu hồi năng lượng từ chất thải; thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, giảm thiểu rác thải nhựa... Thực hiện công tác quy hoạch, xây dựng các nghĩa trang nhân dân phù hợp trên từng địa bàn dân cư. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ các điểm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân.

Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đảm bảo hiệu quả, tăng khả năng thích ứng, giảm thiểu sự tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai xảy ra. Coi trọng tính hiệu quả, bền vững trong khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên; chú trọng quản lý chặt chẽ môi trường các ao, hồ, sông, suối... cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư và bảo tồn đa dạng sinh học. Tuân thủ công tác đánh giá tác động môi trường chiến lược, gắn công tác bảo vệ tài nguyên môi trường đối với các quy hoạch ngay từ đầu. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý tổng hợp vùng bờ, hạn chế xung đột trong việc quy hoạch, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn tình trạng sử dụng đất lãng phí, tăng cường quản lý, khắc phục suy thoái đất.

Tăng cường bảo vệ phát triển rừng tự nhiên, đồng thời với phối hợp, vận hành hiệu quả liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn nhằm bảo đảm nguồn nước, an toàn vùng hạ du, đặc biệt là trong việc giám sát hoạt động vận hành toàn bộ các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh. Kiểm soát tình trạng khai thác nước dưới đất nhằm giảm nguy cơ suy thoái, ô nhiễm và xâm nhập mặn các tầng chứa nước, nhất là khu vực ven biển. Tăng cường giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, các tầng chứa nước. Tăng cường giám sát các hoạt động gây sạt lở lòng bờ bãi sông và các khu vực có nguy cơ sạt lở bờ sông, biến đổi dòng dẫn tại các vùng cửa sông, ven biển. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, hệ thống kè chống sạt lở, công trình phòng, chống thiên tai ở các địa phương có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu. Đầu tư, nâng cấp một số hồ chứa lớn nhằm tích lũy và sử dụng nước tiết kiệm phục vụ sản xuất nông nghiệp trong mùa khô, hạn và bảo đảm an toàn trong mùa mưa lũ.

Tích cực vận động các nguồn tài trợ để thực hiện các dự án trồng và khôi phục rừng ngập mặn, rừng chắn cát, chắn sóng; nạo vét lòng sông, xây và củng cố đê biển, kè biển, cảng, nhà đa năng, nhà cộng đồng tránh bão, đường tránh lũ...

Hoàn thiện phương pháp định giá đất và triển khai xây dựng bản đồ giá đất. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phục vụ phát triển

kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo quỹ đất, tăng thu ngân sách từ quỹ đất. Tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tranh thủ các nguồn lực của cộng đồng quốc tế trong quản lý, khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường. Thực hiện các dự án, công trình nhằm ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai³⁶.

8. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và hoạt động đối ngoại

Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng. Bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh ở các ngành, địa phương.

Quan tâm đầu tư khai thác, phát huy tiềm lực vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân và thể trận biên phòng toàn dân vững mạnh, lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, ý thức bảo vệ Tổ quốc và giáo dục pháp luật, kiến thức quốc phòng đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, cảnh giác và sẵn sàng làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các đối tượng tội phạm nguy hiểm có tổ chức, nghiên cứu triển khai công tác tạm giữ, giam giữ tập trung các đối tượng sử dụng các chất kích thích từ ma túy theo đúng quy định để đảm bảo an ninh trật tự trong cộng đồng. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo mô hình 04 lớp: Kiện toàn lực lượng tại chỗ; giám sát an toàn thông tin; kiểm tra, đánh giá độc lập; kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia. Chú trọng đào tạo, xây dựng tổ ứng cứu sự cố máy tính tỉnh, đầu tư các hệ thống, phần mềm về an toàn, bảo mật, triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin.

Phối, kết hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả giữa đối ngoại của cấp uỷ, ngoại giao của chính quyền và đối ngoại nhân dân; mở rộng, tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ đối ngoại Đảng; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quan hệ đối ngoại Đảng trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025.

Tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng khả thi, cụ thể, thiết thực, có trọng điểm, với lộ trình và phân công thực hiện rõ ràng, chi tiết.

9. Tăng cường công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải cách tư pháp

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, bất cập, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực và phòng ngừa, phát hiện, xử lý nghiêm các sai phạm. Nâng cao

³⁶ Phú Ninh, Khe Tân, Thu Bồn, Vu Gia...

hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, không để xảy ra oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Thực hiện đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác tiếp, đối thoại với công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, không để tồn đọng kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tạo sự chuyển biến hơn nữa để giữ vững ổn định xã hội, củng cố lòng tin của Nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức kỷ luật, kỷ cương, liêm chính. Phát huy vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phát hiện, ngăn ngừa hành vi tiêu cực, tham nhũng. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ việc, vụ án tham nhũng và nâng cao hiệu quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh bảo đảm đúng pháp luật, không để xảy ra điểm nóng. Người đứng đầu phải trực tiếp tiếp công dân theo định kỳ hoặc đối thoại trực tiếp với các đối tượng khiếu nại, tố cáo để giải quyết dứt điểm các vụ việc, bảo đảm đúng thời gian, quy định.

Tổng kết việc thực hiện chủ trương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2021; đề ra các giải pháp cho giai đoạn đến. Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt việc kê khai tài sản và kiểm soát việc kê khai tài sản, thu nhập theo phân cấp quản lý cán bộ, công chức. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí. Các cấp ủy đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị phải có kế hoạch chỉ đạo và chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí ở đơn vị mình phụ trách.

Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp trong sạch, vững mạnh... Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong điều tra giải quyết các vụ việc, vụ án phức tạp kéo dài, dư luận xã hội quan tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của các cơ quan dân cử đối với các cơ quan tư pháp theo quy định.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính

Tiếp tục thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo nguyên tắc một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều loại hình dịch vụ công, giảm đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng nhiệm vụ để sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất và nguồn nhân lực.

Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021 - 2026; đồng thời, củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của UBND các cấp trong nhiệm kỳ đến. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, đại biểu Quốc hội tỉnh. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp, nhất là các kỳ họp để ban hành nghị quyết khả thi, sát đúng thực tiễn, đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của cử tri. Tăng cường công tác giám sát thực hiện nghị quyết của HĐND, giám sát việc thực hiện các chính sách và pháp luật.

Tiếp tục phân cấp, phân quyền trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ giữa các cấp, các ngành theo hướng phân cấp mạnh mẽ, minh bạch, thiết thực và hiệu quả hơn. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính để nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của ủy ban nhân dân các cấp. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan và sự năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới phong cách, phương pháp làm việc, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo quan trọng trong cải cách hành chính. Thúc đẩy việc áp dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số để quản lý nhanh hơn, minh bạch, hiệu quả hơn.

Tập trung xây dựng, hoàn thiện các quy định, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tiếp tục rà soát các quy định về cải cách thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn quy trình xử lý, giảm số lượng và đơn giản hóa nội dung hồ sơ, giảm thời gian và chi phí thực hiện; ưu tiên các thủ tục phục vụ khởi nghiệp, các lĩnh vực về tài chính, đầu tư, đất đai, xây dựng, y tế, chính sách người có công. Bảo đảm đồng bộ, kết nối thông tin thông suốt từ Trung tâm Hành chính công tỉnh đến Trung tâm hành chính công/Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

11. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Tổ chức thực hiện tốt và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại địa phương. Xây dựng mối quan hệ gắn bó đối với các tỉnh, thành phố trong vùng để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh, bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững. Kết hợp đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả giữa đối ngoại của cấp ủy, ngoại giao của chính quyền và đối ngoại nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao văn hóa. Nâng tầm tổ chức và tham gia tốt các sự kiện lễ hội giao lưu văn hóa quốc tế.

Tăng cường công tác quản lý về biên giới, lãnh thổ. Giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề phát sinh có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đối ngoại chính trị nhằm thắt chặt hơn nữa quan hệ hợp tác với tỉnh Sê Koong (Lào), góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào; triển khai hiệu quả các Thỏa thuận hợp tác của tỉnh đã ký kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực, trong nước và đối tác quốc tế; nghiên cứu, xúc tiến ký kết thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương của các nước và các tổ chức quốc tế có uy tín.

Tổ chức tốt các hoạt động quảng bá xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch quốc tế trong và ngoài nước; quan tâm xúc tiến kêu gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp FDI, các tổ chức quốc tế cho vay và tài trợ triển khai các dự án ODA, tăng cường xúc tiến vận động viện trợ, triển khai các chương trình, dự án phi chính phủ NGO để phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

UBND tỉnh kính báo cáo Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 2./.

Nơi nhận:

- TT TU, HĐND tỉnh;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự HN Tỉnh ủy lần 2;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- Cục Thống kê;
- CPVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, TH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Trí Thanh